

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **33** /CV-DLG

Gia Lai, ngày 20 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Mã chứng khoán: **DLG**
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: duclong@duclonggroup.com
- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2021

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/4/2022 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/bao-cao-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2021

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TƯỜNG CỘT

2
0
2
1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Đi là đến!



**TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.993.097.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.993.097.200.000 đồng
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P.Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3748 367
- Số fax: 0269 3747 366
- Website: <http://www.duclonggroup.com/>
- Email: duclong@duclonggroup.com
- Mã cổ phiếu: DLG
- **Quá trình hình thành và phát triển**

+ Năm 2021

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục bùng phát đợt thứ 4 tại Việt Nam rất khốc liệt với biến chủng Delta cực kỳ nguy hiểm và kéo dài, ảnh hưởng tiêu cực đến SXKD và đầu tư của hầu hết các doanh nghiệp trong cả nước và Tập đoàn DLGL cũng không phải là ngoại lệ.

Để đối phó, DLGL đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu kép: Một mặt, Tập đoàn tích cực tổ chức một cách hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh trong nội bộ Tập đoàn và tham gia hỗ trợ kinh phí cho địa phương để mua vắc xin tiêm chủng; mặt khác, Tập đoàn đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra phù hợp với bối cảnh, tình hình mới, gồm: Đổi mới hệ thống quản trị, thay đổi phương án kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh công tác cấu trúc doanh nghiệp và các công ty thành viên theo hướng ổn định, tiến hành chuyển nhượng các dự án, thoái vốn khỏi các công ty hoạt động kém hiệu quả. Các công ty thành viên đều nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, Tập đoàn đã hạn chế một cách hiệu quả tác động ảnh hưởng của dịch bệnh kết quả kinh doanh năm 2021 đã có nhiều khởi sắc.

Tình chung cả năm, các công ty thành viên đều cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra. Riêng các công ty hoạt động trong lĩnh vực BOT và Năng lượng thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch. Kết quả đạt được năm 2021 là tiền đề quan trọng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022.

+ Năm 2018

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.993.097.200.000 đồng sau khi phát hành 14.251.905 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

+ **Năm 2017**

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

+ **Năm 2016**

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

+ **Tháng 06/2010**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG

+ **Tháng 06/2007**

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

- **Các sự kiện khác**

+ **Các hoạt động nổi bật trong năm 2021:**

✓ Ngay sau khi dịch Covid-19 bùng phát đợt thứ tư tại Việt Nam, Đức Long Gia Lai rất nhanh chóng đưa ra các điều chỉnh, thay đổi để thích ứng với tình hình thực tế. Để ứng phó với tình hình này, Chủ tịch Bùi Pháp chỉ đạo Ban Lãnh đạo Tập đoàn cũng như các công ty thành viên đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch, đồng thời chủ động các biện pháp duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh; Chỉ đạo tiết giảm tối đa chi phí vận hành, chi phí quản lý, triển khai hình thức làm việc online, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả, tìm mọi biện pháp tối ưu; vận dụng các chính sách ưu đãi thuế của Nhà nước, chính sách hỗ trợ khách hàng của Ngân hàng để duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ Hưởng ứng lời kêu gọi của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam "Toàn dân đoàn kết, ra sức phòng-chống dịch Covid-19", Công ty đã chung tay ủng hộ công tác phòng chống dịch bệnh về vật chất và vật tư y tế để hỗ trợ các địa phương chống dịch hiệu quả.

✓ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Ngày 19/6/2021, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Đại hội đã thông qua các nội dung: Sửa đổi bổ sung một số nội dung của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, và thông qua Quy chế hoạt động HĐQT, BKS, Quy chế tổ chức ĐHCĐ, Quy chế báo cáo điện tử của Công ty, thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2020 và lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021, kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2021, thông qua tình hình sử dụng vốn đã được kiểm

toán của đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2015, thay đổi tên Công ty, thông qua thủ tục lao và chi phí của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thông qua ủy quyền một số nội dung cho HĐQT, miễn nhiệm TV HĐQT đối với ông JaeGyun Kim và ông Nguyễn Hồng Sơn.

✓ Ngày 30/09/2021, HĐQT đã tiến hành họp và bổ nhiệm nhân sự cấp cao. Theo đó, ông Nguyễn Trường Cột, nguyên Phó Tổng giám đốc, được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc thay cho ông Trần Cao Châu kể từ ngày 01/10/2021.

+ **Các thành tích đã đạt được:**

- ✓ 4 lần nhận giải "Sao vàng đất Việt" dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.
- ✓ 3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.
- ✓ 2 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ (năm 2008 và 2011)
- ✓ 3 lần nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh Gia Lai (năm 2010, 2015 và 2016)
- ✓ Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.
- ✓ Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.
- ✓ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi - Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 7 năm liền (2014-2020) ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top 200 người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.
- ✓ Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được các cơ quan Trung ương và các cơ quan ban ngành địa phương trao tặng nhiều phần thưởng cao quý khác.

2. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

- Ngành nghề kinh doanh:

+ **Ngành nghề chiến lược:**

- ✓ Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử
- ✓ Năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời)
- ✓ Cơ sở hạ tầng bằng hình thức BOT, BT, BOO;
- ✓ Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm;
- ✓ Đầu tư và kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao.

+ Ngành nghề truyền thống

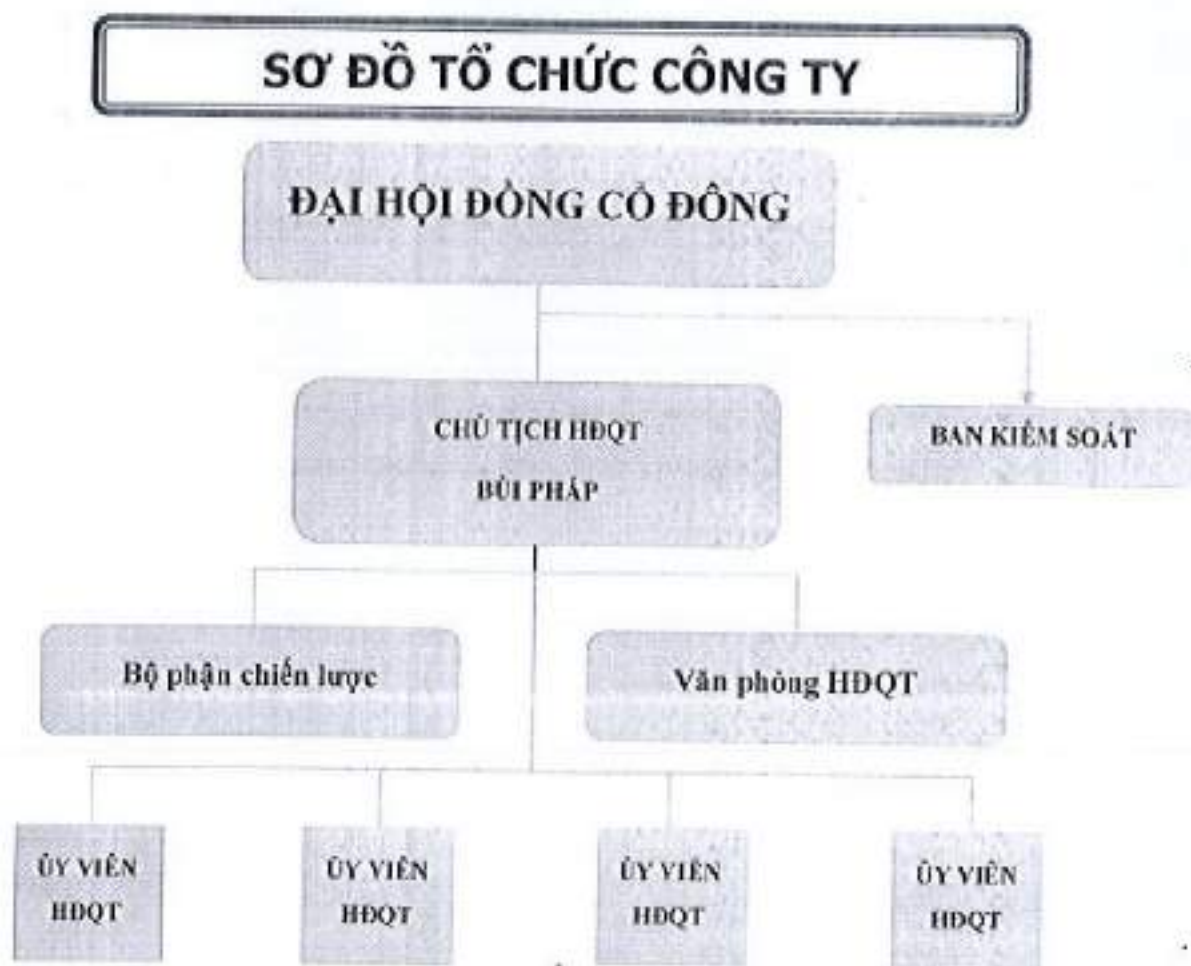
- ✓ Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn;
- ✓ Chế biến và kinh doanh đồ gỗ;
- ✓ Chế biến và kinh doanh đá granit;
- ✓ Bến xe và bãi đỗ.
- ✓ Dịch vụ bảo vệ.

- Địa bàn kinh doanh:

Là Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong địa bàn tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

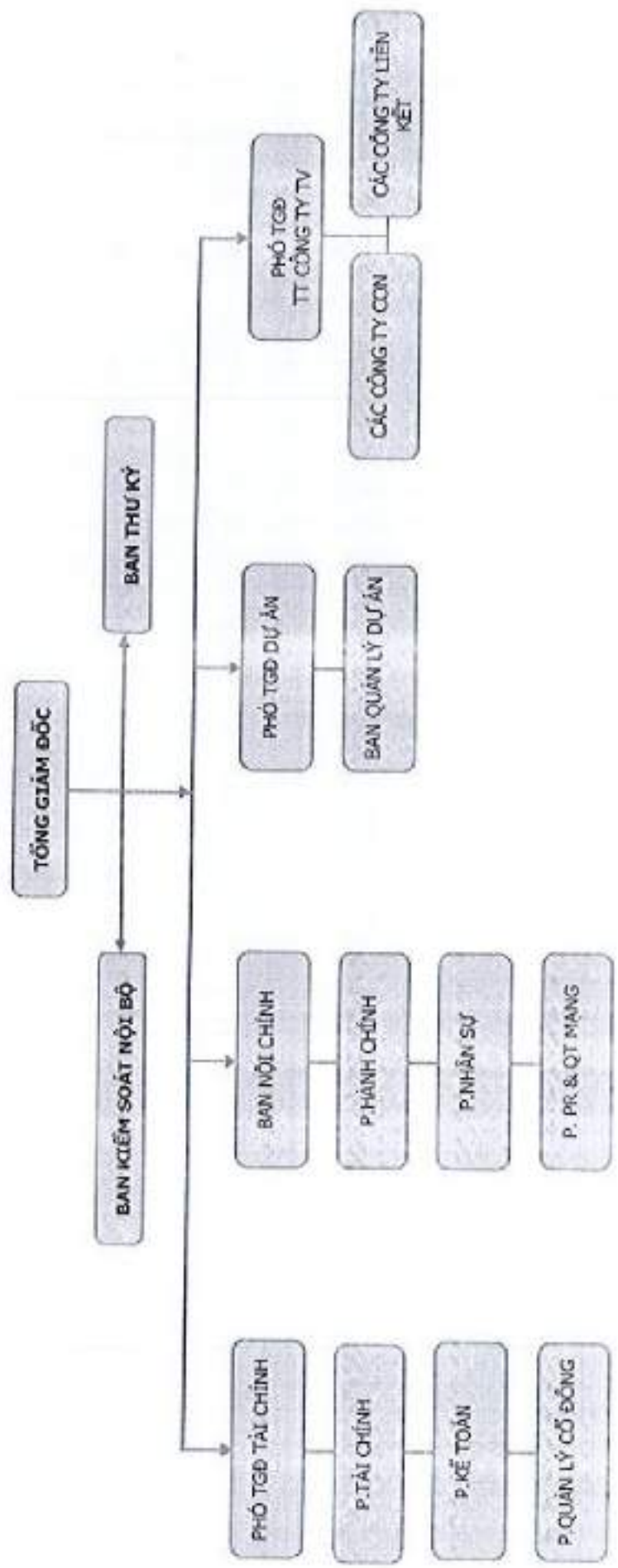
3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị



Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ có quyền biểu quyết
I. Công ty con					
1	CTCP BOT & BT Đúc Long Đắc Nông	Số 4, Điện Biên Phủ, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng giao thông, ...	250	70,60%
2	CTCP BOT & BT Đúc Long Gia Lai	782 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng giao thông, ...	203,81	73,5%
3	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (được đổi tên từ CTCP Đúc Long Đà Nẵng. <i>Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 65/QĐ-HDQT-DLGL 29/12/2018. Đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng)</i>	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, kinh doanh vận tải hàng, ...	75	85%
4	Công ty Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.	Sản xuất linh kiện thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao, ...	320	97,73%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ có quyền biểu quyết
5	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, Tp.Pleiku, Gia Lai	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, ...	122,5	93,35%
6	Công ty CP Năng lượng Tân Thượng <i>(Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 10/QĐ-HDQT-DLGL 29/9/2021)</i>	18 Hà Huy Tập, phường 3, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Xây dựng thủy điện, sản xuất điện, ...	155	88%
7	Công ty cổ Phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai <i>(Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 10/QĐ-HDQT-DLGL 29/09/2021)</i>	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,	601	84,03%
8	Công ty CP Cà Phê Gia Lai <i>(Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 12/QĐ-HDQT-DLGL 30/11/2021)</i>	97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán nông nghiệp, trồng cây cà phê, ...	146,763	51%
9	Công ty CP Chè Biển Hồ <i>(Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 12/QĐ-HDQT-DLGL 30/11/2021)</i>	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán xuất nhập khẩu cà phê, chè, ...	89,356	51%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ có quyền biểu quyết
II. Công ty liên kết					
1	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú - Diên Hồng - Pleiku - Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang, trồng cao su, ...	15	40,00%
2	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, ...	2,96	20,00%
3	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Sản xuất linh kiện điện tử; xây dựng công trình; Tư vấn, môi giới và đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, ...	2,28	40,00%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Phần đầu đến năm 2025, Đức Long Gia Lai sẽ trở thành một trong những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

✓ ĐLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2022 - 2025 với quyết tâm: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp công nghệ cao. Đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, đá xây dựng, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe, vệ sỹ, ...

✓ Về thị trường: Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

- + Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty
 - ✓ Đối với môi trường: Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ tránh ô nhiễm môi trường và cũng đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng...
 - ✓ Đối với xã hội: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội, tham gia tích cực các hoạt động từ thiện, nhân đạo,...
 - ✓ Đối với cộng đồng: Những dự án, công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.
 - ✓ Công ty tạo ra những đặc trưng riêng trong quản lý kinh doanh, điều hành sản xuất, thay đổi tư duy nhằm đột phá để phát triển và khẳng định giá trị bằng những dự án đầy thách thức và phát triển thông qua việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng kết hợp bằng phong cách làm việc tập thể, sự sáng tạo và khả năng triển khai chuyên nghiệp.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2025 với các Lĩnh vực cốt lõi:
 - ✓ **Năng lượng:** Đối với hoạt động đầu tư năng lượng thủy điện, điện gió và điện mặt trời, Đức Long Gia Lai chủ trương đầu tư xây dựng và phát triển các dự án năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời) tại các khu vực Đức Long Gia Lai có nhiều thuận lợi về giải phóng mặt bằng, giao thông, môi trường, ... Việc xây dựng các dự án năng lượng có ý nghĩa hết sức thiết thực, không chỉ đảm bảo doanh thu, lợi nhuận cho Đức Long Gia Lai mà còn góp phần quan trọng đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.
 Công ty đã đầu tư và phát triển nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời tại các tỉnh Lâm Đồng, Kon Tum. Ngoài ra, Tập đoàn đang triển khai đồng loạt thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với gần 4.000MW (trong đó có 900MW điện gió, 2.600 MW điện mặt trời, 260 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Miền Trung, đã được Chính phủ và Bộ Công thương đồng ý đưa vào

Quy hoạch điện VII hơn 600 MW; số còn lại hơn 2.500 MW đang chờ bổ sung vào Quy hoạch của Chính phủ;

✓ **Sản xuất linh kiện điện tử:** Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở trong nước, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước. Tiếp tục tái cấu trúc và ổn định hoạt động của Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông Quảng, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc và Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Seoul, Hàn Quốc. Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao - Quận 9, TP.HCM tận dụng triệt để lợi thế về hệ thống quản trị tiêu chuẩn quốc tế, công nghệ hiện đại đã áp dụng thành công ở các nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử của DLG tại nước ngoài, sản xuất các sản phẩm điện tử phục vụ xuất khẩu ra thị trường Mỹ và Châu Âu, đồng thời đang hoàn thiện dây chuyền sản xuất Smart tivi. Nhà máy có đầy đủ các thiết bị máy móc tối tân trong lĩnh vực lắp ráp các sản phẩm điện tử, hàng tháng có khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn cho các khách hàng truyền thống nổi tiếng như: Honeywell, Whirlpool, Azad, ADV... Các mặt hàng điện tử dân dụng đang sản xuất với số lượng lớn hiện nay là: máy xén tóc & cạo râu, chuông cửa, đèn LED, thiết bị định vị GPS, đèn cảnh báo thoát hiểm ... Ngoài ra, Công ty đang mở rộng đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại tỉnh Bình Dương và Thành phố Đà Nẵng;

✓ **Cơ sở hạ tầng:** Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có năng lực hàng đầu Việt Nam về đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đây là thế mạnh được Chính phủ Việt Nam chọn làm nhà đầu tư thi công tuyến đường cao tốc Quốc lộ 14 với tổng mức đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng và các dự án trong tương lai ước tính hàng tỷ USD bằng hình thức BOT, BT, PPP. Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp duy nhất có 4 trạm thu phí BOT trên gần 300 Km đường Quốc lộ 14 với thời gian thu phí trên 20 năm.

Định hướng trong thời gian tới, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục tìm kiếm, cũng như tham gia đấu thầu các dự án lớn về cơ sở hạ tầng, kết hợp với việc đầu tư kinh doanh các khu dân cư từ nguồn đất được giao, các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển... trong cả nước.

✓ **Bất động sản đa sản phẩm:** Đối với các dự án bất động sản, khách sạn và các dịch vụ phục vụ cho du lịch - nghỉ dưỡng, hiện nay DLGL Group đã đầu

tư và đưa vào khai thác một chuỗi các dự án với dòng sản phẩm đa dạng như: Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ; văn phòng; du lịch nghỉ dưỡng kết hợp khách sạn cao cấp; khu du lịch sinh thái... tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu,...

✓ **Nông nghiệp công nghệ cao:** Đức Long Gia Lai có quỹ đất lớn, thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Thời gian tới, ĐLGL tập trung đầu tư kinh doanh các lĩnh vực trồng trọt (cao su), chăn nuôi (heo, bò), áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tiết giảm chi phí, đem lại hiệu quả kinh tế cao

Định hướng thời gian đến, Đức Long Gia Lai và các công ty thành viên sẽ phát triển các dự án sân golf, khách sạn và khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng cao cấp từ 4 - 5 sao, khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. **Các rủi ro:**

- **Các yếu tố rủi ro**

+ **Rủi ro kinh tế**

✓ Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, Đức Long Gia Lai là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình.

✓ Tính cả năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 668,55 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, tương ứng tăng 123,23 tỷ USD. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 336,31 tỷ USD, tăng 19%, tương ứng tăng 53,68 tỷ USD và nhập khẩu đạt 332,23 tỷ USD, tăng 26,5%, tương ứng tăng 69,54 tỷ USD.

✓ Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đã chuyển biến tích cực, nhất là việc thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP. Với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội", kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2021 là 2,58% (đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 30 năm qua) nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta.

✓ Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã

hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Các nền kinh tế chủ chốt đối mặt với nhiều khó khăn và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các ngành nghề chiến lược và cả các ngành nghề truyền thống đều không thoát khỏi ảnh hưởng bởi tác động của dịch bệnh, như: Các khách sạn, nhà nghỉ vắng khách, các trạm thu phí giảm mạnh doanh thu, các ngành sản xuất khác như: Linh kiện điện tử, gỗ, đá phải giảm quy mô sản xuất và bị thu hẹp thị trường tiêu thụ với chính sách cách ly xã hội để phòng tránh dịch bệnh,...

+ **Rủi ro lãi suất**

✓ Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

✓ Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của Tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Ngành ngân hàng tiếp tục giảm thêm một bằng lãi suất cho vay, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên. Nâng cao chất lượng tín dụng và hướng dòng vốn vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển các dự án kết cấu hạ tầng; triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách; đẩy mạnh phát triển tín dụng tiêu dùng; kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực rủi ro cao như bất động sản, chứng khoán ... Trước tác động, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, Ngân hàng Nhà nước đã rà soát, sửa đổi, bổ sung nhiều cơ chế, chính sách để chủ động hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân (cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ...). Đây là tín hiệu khả quan, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phục hồi của nền kinh tế sau những tác động tiêu cực của dịch Covid-19. Lãi suất thả nổi giám tạo điều kiện giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng tài chính.

+ **Rủi ro tỷ giá**

✓ Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Rủi ro pháp luật**

✓ Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều quy định pháp luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp và cơ cấu tổ chức các cơ quan Nhà nước có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, Đirc Long Gia Lai luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

+ **Rủi ro môi trường**

✓ CTCP Tập đoàn Đirc Long Gia Lai với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế của tập đoàn. Để quản trị về vấn đề môi trường khi không tham gia vào các hoạt động trực tiếp của công ty thành viên, Tập đoàn hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

- **Rủi ro đặc thù ngành**

+ **Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:**

✓ Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp. Việc Nhà nước không tăng thu phí 18% theo lộ trình 3 năm một lần cũng dẫn đến rủi ro do doanh thu không đảm bảo trả gốc và lãi cho ngân hàng. Các công ty BOT phải khắc phục bằng việc làm việc với ngân hàng để cơ cấu gốc và lãi.

- + **Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:**
 - ✓ Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới và diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort để thu hút du khách.
- + **Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử:**
 - ✓ Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble, HanBit, ... là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp ĐLGL dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường.
- + **Rủi ro đối với ngành năng lượng tái tạo:**
 - ✓ Đức Long Gia Lai chú trọng đầu tư hoạt động khai thác năng lượng sạch, năng lượng tái tạo bao gồm: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời. Phần đầu dự án trở thành mô hình kiểu mẫu tại Việt Nam trong tương lai. Mặc dù năng lượng tái tạo mang lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường, tuy nhiên, cơ chế chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ, chậm được đổi mới; nguồn lực đầu tư còn hạn chế và dần cạn kiệt. Để đẩy nhanh phát triển nhanh nguồn năng lượng sạch của Việt Nam cần phải vượt qua rất nhiều rào cản về: thể chế, pháp lý, thị trường, Rủi ro về giải pháp tại các dự án, do phát triển một cách ồ ạt nhưng cơ sở hạ tầng của nguồn điện còn nhiều hạn chế.

III. Tình hình hoạt động trong năm

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.873.262	2.034.492	1.544.442	-24,09%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	% tăng giảm
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.343.579	1.670.179	1.255.643	-24,82%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	529.683	364.312	288.799	-20,73%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	263.274	173.239	359.198	107,34%
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	386.794	823.694	494.693	-39,94%
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	25.851	19.145	18.035	-5,80%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	298.671	523.196	120.227	-77,02%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	81.798	-828.378	14.713	-
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-43.379	-32.457	-10.001	-69,19%
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	38.420	-860.835	4.711	-
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-7.459	-928.593	11.793	-

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.000	1.549,2	77,46%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50	11,8	23,6%

Tại báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2021, doanh thu đã thực hiện của DLG đạt 1.549,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN lãi số tiền: 11,8 tỷ đồng. Mặc dù lợi nhuận không cao, nhưng đây được đánh giá là tiền đề rất quan trọng trong chiến lược tái cấu trúc tài chính toàn diện của DLG.

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo dài trên phạm vi toàn thế giới. Tại Việt Nam phát sinh đợt thứ 4 với biến chủng Delta nguy hiểm, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh, làm cho hàng loạt doanh nghiệp thua lỗ, thậm chí phá sản... Trong bối cảnh đó, DLG cũng không tránh khỏi làn sóng của đại dịch Covid-19, một số ngành nghề sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là doanh thu

sản phẩm sản xuất linh kiện điện tử tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Hong Kong đạt: 969,36 tỷ đồng, giảm 22,17% so với năm 2020. Doanh thu của 4 trạm thu phí theo hình thức BOT trên tuyến đường Hồ Chí Minh đạt: 341,06 tỷ đồng, giảm 9,01% so với cùng kỳ năm 2020.

Tuy nhiên, với sự quyết tâm, chỉ đạo quyết liệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, nhờ đó DLG đã thực hiện thành công mục tiêu kép: vừa tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh một cách hiệu quả, vừa đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đặc biệt, thực hiện thành công phương án tái cấu trúc tài chính của Tập đoàn, rà soát sắp xếp lại bộ máy nhân sự Ban điều hành và cán bộ, công nhân viên. Cùng với đó cắt giảm chi phí quản lý của doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 để tập trung nguồn vốn, giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng với số tiền hơn 779 tỷ đồng. Giảm chi phí lãi vay, tăng nguồn vốn lưu động để bổ sung duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hiệu quả và gia tăng lợi nhuận...

Nhờ đó, DLG đã đi ngược lại dòng xoáy đại dịch với kết quả kinh doanh khởi sắc. Mặc dù, lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng, nhưng việc kinh doanh có lãi, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ... đã là thành công của DLG trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế Việt Nam.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành tại 31/12/2021:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc	525.000	0,18%	Đã miễn nhiệm ngày 30/09/2021
2	Nguyễn Tường Cột	Tổng giám đốc	14.382	0,005%	Đã bỏ nhiệm từ ngày 01/10/2021
3	Trần Văn Phương	Phó Tổng giám đốc	68.389	0,023%	-
4	Vũ Thị Hải	Phó Tổng giám đốc	1.535.479	0,513%	Ngày 19/7/2021 mua thêm 1.500.000 cổ phiếu;
5	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	0	0%	-
6	Đỗ Thành Nhân	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán	84	0%	-

- + **Trần Cao Châu – Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 30/9/2021)**
 Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán
Quá trình công tác:
- ✓ Từ năm 1992 – 1997 : Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 1997 – 2001 : Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
 - ✓ Từ năm 2001 – năm 2002 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 2002 – 2006 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 2006 – 2013 : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;
 - ✓ Từ năm 2013 – 2016 : Kinh doanh tư nhân;
 - ✓ Từ 4/2016 – 4/2018 : Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 2016 – 5/2017 : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ Từ 5/2017 – 3/2018 : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
 - ✓ Từ 4/2018 – 02/9/2019 : Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
 - ✓ Từ 6/2019 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
 - ✓ Từ 03/9/2019 – 30/9/2021: Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- + **Nguyễn Tường Cột – Tổng Giám đốc (Đã bổ nhiệm ngày 01/10/2021)**
 Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh.
Quá trình công tác:
- ✓ Từ 2016 đến 6/2021: Giám đốc Công ty CP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
 - ✓ Từ 2017 đến 6/2021: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
 - ✓ Từ 8/2021 đến 9/2021: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long

Gia Lai;

✓ Từ 01/10/2021 – nay: Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

+ **Trần Văn Phương - Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Cử nhân xây dựng

Quá trình công tác:

✓ 2007 - 01/2009: Công ty THHH XDCT Hùng Vương.

✓ 02/2009 - 04/2012: Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.

✓ 05/2012 - 08/2013: Giám đốc công ty Cổ Phần ĐT & Xây dựng Đức Long Gia Lai

✓ 09/2013 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.

✓ 06/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Vũ Thị Hải – Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

✓ 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.

✓ 1/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 3/2008 – 04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 5/2011- 6/2013 : Trưởng ban tài chính, trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 07/2013 – 3/2018: Kế toán trưởng, Trưởng ban tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 07/2013 – nay: Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 4/2018 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Phạm Minh Việt - Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

- ✓ 2003 – 06/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn.
- ✓ 7/2006 – 4/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.
- ✓ 4/2009 - 03/2010: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.
- ✓ 3/2010 – 10/2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 10/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 2/2017 – nay: Tổng Giám đốc CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai.

+ **Đỗ Thành Nhân: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán**

Trình độ: Kỹ sư quản trị Doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- ✓ 01/9/2004 đến 9/2019: làm việc tại Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 9/2019 đến nay: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Nhằm kiện toàn nhân sự cấp cao trong nhiệm kỳ mới, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo guồng máy vận hành xuyên suốt. Ngày 16/8/2021, HĐQT đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HDQT-DLGL về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Tường Cột.

Cuối tháng 9/2021, Tập đoàn đã có sự thay đổi đột phá khi miễn nhiệm và bổ nhiệm Ban lãnh đạo mới. Ngày 30/9/2021, HĐQT đã họp và ban hành Quyết định số 11/QĐ-HDQT-DLGL về việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật công ty đối với ông Trần Cao Châu và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật công ty đối với ông Nguyễn Tường Cột.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

+ **Thống kê nhân sự**

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn (bao gồm các công ty thành viên) tính đến 31/12/2021 là 5.750 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn năm 2021 là 9 triệu đồng/người/tháng.

+ **Một số chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

✓ **Chính sách tuyển dụng**

Tập đoàn sử dụng khả năng linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dùng” cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “DỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

✓ **Chính sách đào tạo**

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi cán bộ - nhân viên đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

Cán bộ - nhân viên làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

✓ **Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp**

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt

động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn luôn đánh giá năng lực và công việc định kỳ hàng tháng, qua đó đánh giá kết quả công việc và mục tiêu công việc, kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

✓ Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động có xếp loại lao động tốt đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

✓ Chính sách thưởng:

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chỉ trương, chính sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ - nhân viên được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt và bổ trí chức vụ cao hơn.

✓ Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ,

Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Công đoàn Công ty được thành lập từ năm 2015 đã phát huy tốt vai trò động viên CBCNV làm tốt nhiệm vụ được phân công, tham gia cùng Ban điều hành Công ty giải quyết các vướng mắc nảy sinh từ việc tuyển dụng, đào tạo, phân công, bổ nhiệm và chi trả tiền lương cho CBCNV. Công đoàn cũng đã làm tốt việc thăm hỏi khi phát sinh các trường hợp tang chế, hiếu hỉ của CBCNV và người thân.

Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm "Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh", Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.
- Công việc thách thức và sáng tạo.
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng.
- Cơ hội học tập/thăng tiến rõ ràng và không giới hạn.
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học.
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho cán bộ - nhân viên, các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
Cho vay, cho mượn ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	403.459	631.432
Cho vay, cho mượn ngắn hạn các đối tượng khác	Tr.đồng	516.768	208.023

Đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	2020 (Tr.đồng)	2021 (Tr.đồng)
Đầu tư góp vốn	7.763	7.434
CTCP Tư vấn & Xây dựng Giao thông Gia Lai	7.283	6.954
CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480
Cho vay	1.444.970	1.438.840
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	270.000	220.000
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	184.406	215.474
Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai	251.774	222.658
Vũ Văn Tin	91.250	153.522
Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL	213.808	374.407
Các đối tượng khác	433.732	252.779

b) *Tình hình thực hiện các dự án sử dụng nguồn tiền phát hành: Không có*

c) *Các công ty con:*

Chỉ tiêu tài chính của một số công ty con

CTCP BOT&BT Đức Long Đăk Nông

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	Doanh thu	Tỷ đồng	231,9	204,9
2	LNTT	Tỷ đồng	41,4	73,4
3	Tài sản	Tỷ đồng	1.085,9	1.072,6
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250	250

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021
1	Doanh thu	Tỷ đồng	96,3
2	LNTT	Tỷ đồng	3,2
3	Tài sản	Tỷ đồng	556,8
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	122,5

Công ty CP Bưu xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (được đổi tên từ CTCP Đức Long Đà Nẵng)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	Doanh thu	Tỷ đồng	0,8	0,4
2	LNTT	Tỷ đồng	0,29	0,06
3	Tài sản	Tỷ đồng	1,7	1,8
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1,98	1,98

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	8.247.996	7.070.349	-14,3%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.034.492	1.544.441	-24,1%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-828.378	14.713	-
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-32.457	-10.001	-69,2%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-860.835	4.711	-
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-928.593	11.792	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,86	0,85	-
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,73	0,72	-
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				-
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	%	69,55%	67,20%	-
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,28	2,05	-
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				-
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,13	3,25	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,25	0,22	-
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,457	0,01	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0,371	0,005	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,113	0,002	-
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,41	0,01	-

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

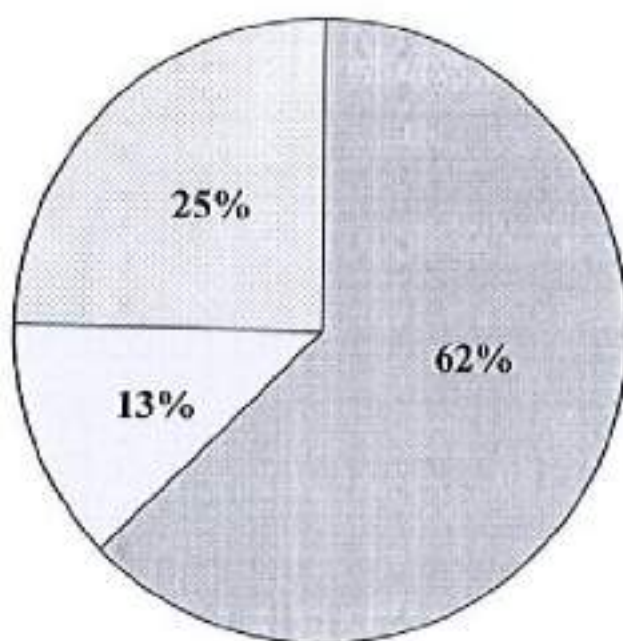
- + Số cổ phiếu phổ thông: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 17/5/2021

+ Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	291.202.647	97,29%
<i>Cá nhân</i>	<i>290.160.304</i>	<i>96,94%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>1.042.343</i>	<i>0,35%</i>
Cổ đông nước ngoài	8.107.073	2,71%
<i>Cá nhân</i>	<i>1.130.440</i>	<i>0,38%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>6.976.633</i>	<i>2,33%</i>
Tổng	299.309.720	100%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU

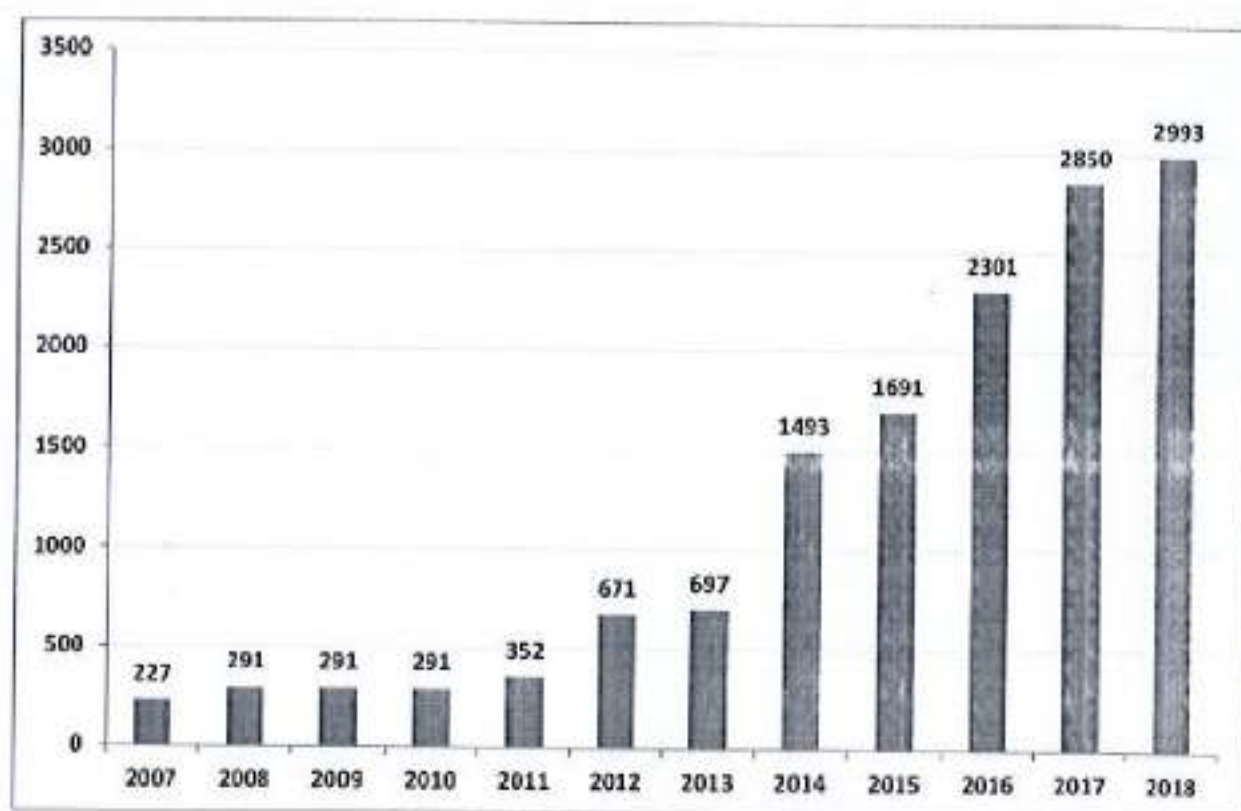


- Cổ đông sở hữu dưới 1%
- Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%
- Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên

+ Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/DKGD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khai, TP. Pleiku, Gia Lai	74.226.523	24,79%

+ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2021 (TỶ ĐỒNG)



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2021 (TỶ ĐỒNG)

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

Trong năm 2021, Đức Long Gia Lai không có sự thay đổi về vốn điều lệ.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

e) *Các chứng khoán khác:* Không có

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty*

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là năng lượng tái tạo, lĩnh vực điện tử, BOT và cơ sở hạ tầng.

- **Lĩnh vực năng lượng:** Công ty tập trung vào năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời và điện gió). Sử dụng năng lượng tái sinh tác động tích cực đến môi trường và đời sống con người, giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch (than, dầu mỏ) hạn chế gây ô nhiễm không khí, bụi than, tiếng ồn, giảm được bãi rác thải đất đá, bảo vệ rừng vv... làm cho môi trường không bị ô nhiễm và bảo vệ sức khỏe con người.

- **Đối với lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:** Hiện nay, Công ty đang sở hữu 3 nhà máy tại Việt Nam, Hàn Quốc và Trung Quốc. Công ty luôn đáp ứng những yêu cầu khắt khe về môi trường ở các nước sở tại. Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại để giảm thiểu ô nhiễm không khí-tiếng ồn; Lắp đặt hệ thống xử lý không khí và bộ lọc khí để đảm bảo không khí trong các xưởng sản xuất đạt độ sạch cao, nhà máy được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng không khí, các chất thải gây hại sẽ được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường ở mức thấp nhất.

- **Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng:** Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty đề ra giải pháp:

+ Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá có giải pháp tốt nhất về môi trường.

+ Trong hoạt động xây dựng của Công ty. Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống cho mọi người, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến vấn đề này.

Lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt;
- Nhà xưởng được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;

- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho công nhân làm việc tại những vị trí phát sinh tiếng ồn cao

Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng: Khi triển khai các dự án đầu tư, Công ty đều thuê

những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Đối với giai đoạn thực hiện dự án, Công ty đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Biện pháp quản lý
 - + Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm.
 - + Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày.
 - + Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.
- Biện pháp kỹ thuật
 - + Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận chuyển.
 - + Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt.
 - + Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi.
- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải
 - + Sử dụng lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.
 - + Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng.
 - + Các nguyên liệu hại như xăng, dầu, nhựa đường... được lưu giữ trong kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên.
- Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải
 - + Không vận chuyển, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh.
 - + Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải.
 - + Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân

6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển, ĐLGL không ngừng học hỏi, tìm tòi, phát huy và tiếp cận những công nghệ mới để giúp công ty hoàn thành những mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đề ra. Từng bước đưa ĐLGL trở thành một Tập đoàn hàng đầu Việt Nam.

ĐLGL luôn tuân thủ việc đóng thuế cho cơ quan Nhà nước. Tạo rất nhiều công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Qua từng năm, từng thời điểm, từng quy mô nguồn vốn, Công ty luôn tuân thủ và đặt trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế lên hàng đầu. Luôn minh bạch

trong quá trình đóng thuế của mình. Điều đó thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một tổ chức đối với nền kinh tế chung của đất nước.

DLGL đã tích cực tham gia nhiều hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo. DLGL đã ủng hộ các hoạt động xã hội không những tại địa bàn đứng chân, mà còn tại địa bàn các địa phương đầu tư dự án. Trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19, DLGL đã ủng hộ, đóng góp cho các địa phương để mua vắc xin, kit test với số tiền hàng tỷ đồng.

6.3. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bảo vệ môi trường sống là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà DLGL đề ra trong các dự án đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trước và sau khi dự án được triển khai. Theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh 2030). Việc xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2030 hướng tới nền kinh tế trung tính các-bon (carbon neutral) trong dài hạn là ưu tiên hàng đầu trong bối cảnh mới, đặc biệt là xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, giúp Việt Nam đón đầu cơ hội và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả. Tăng trưởng xanh không những giúp đảm bảo bền vững về môi trường, nâng cao năng lực chống chịu của quốc gia trước biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai, dịch bệnh, mà còn tạo bình đẳng trong tiếp cận cơ hội và hưởng lợi của mọi người dân, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Tăng trưởng xanh góp phần truyền tải, chia sẻ các giá trị nhân văn, các giá trị văn hóa cốt lõi, lối sống có trách nhiệm của từng con người và của toàn xã hội.

Bên cạnh sự nỗ lực của Chính phủ cần sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có những hành động cụ thể hơn, thiết thực hơn để góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. DLGL luôn cam kết và tạo sự chuyển biến tích cực từ ý thức bảo vệ môi trường đến toàn bộ cán bộ công nhân viên.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam phải đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức do dịch bệnh. Thế nhưng, từ trong gian khó, nền kinh tế Việt Nam đã nỗ lực vươn lên tăng

trường dương, tiếp tục khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế. Theo đó, dịch Covid 19 tác động rất lớn đến nền kinh tế. GDP Việt Nam chưa bao giờ tăng trưởng âm nhưng trong quý III năm 2021 vừa qua, kinh tế Việt Nam âm 6,17%. Tính cả năm 2021, GDP Việt Nam tăng trưởng dương 2,58% (đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 30 năm qua).

- Trong năm 2021, khu vực nông nghiệp tiếp tục phát huy vai trò “bệ đỡ” của nền kinh tế. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì được mức tăng trưởng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế. Cùng với ngành Nông nghiệp, kim ngạch xuất, nhập khẩu chung của Việt Nam cũng đạt mức kỷ lục mới. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng 22,6% so với năm 2020, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 19% so với năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tăng 26,5% so với năm 2020, tiếp tục là điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam. Cùng với việc tháng 12 xuất siêu đạt 1,5 tỷ USD, đã giúp cho kim ngạch ngoại thương của Việt Nam trong năm 2021 có sự đảo chiều ngoạn mục, xuất siêu cả năm đạt 4 tỷ USD.

- Hoạt động sản xuất toàn cầu đã bị đình trệ vì các vấn đề trong chuỗi cung ứng, tình trạng thiếu nguyên liệu, cũng như việc các cảng biển đóng cửa, thiếu xe chở hàng, thiếu nhân công vì các biện pháp phong tỏa nhằm chống dịch. Sự bất cân bằng cung - cầu đã khiến giá tăng và đẩy lạm phát lên cao, giá xăng dầu tăng mạnh đạt kỉ lục trong vòng 12 năm qua. Mức nợ công tăng cao có thể sẽ hạn chế khả năng của các Chính phủ trong việc giải quyết các hậu quả lâu dài của đại dịch khi phục hồi kinh tế đạt được lực kéo.

- Những tồn tại của nền kinh tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) không phải là ngoại lệ.

- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, ĐLGL có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

+ Thuận lợi:

✓ Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

✓ Với mối quan hệ sâu rộng của Chủ tịch HĐQT và được sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành từ Chính phủ, các bộ ban ngành TW và các địa phương, Tập đoàn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án lớn, hứa

hện sẽ mang lại hiệu quả đầu tư cao trong các năm tới;

✓ Đội ngũ cán bộ nhân viên của Văn phòng Tập đoàn và các công ty thành viên đã đồng hành với Tập đoàn qua nhiều năm, luôn tin tưởng, sát cánh kề vai với HĐQT và Ban điều hành, tích cực phát huy tính năng động trong việc triển khai các chủ trương, kế hoạch phát triển của Tập đoàn.

+ **Những khó khăn, thách thức:**

✓ Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư;

✓ Các chủ trương chính sách của Nhà nước như rà soát, kiểm tra, kiểm soát, hậu kiểm, hồi tố chặt chẽ các thủ tục pháp lý đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn;

✓ Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn.

✓ Các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chi đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của DLGL, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

- **Hoạt động đầu tư:**

+ **Về lĩnh vực năng lượng tái tạo:** Công ty đã đầu tư và phát điện nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời tại các tỉnh Lâm Đồng, Kon Tum. Ngoài ra, Tập đoàn đang triển khai đồng loạt thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với gần 4.000MW (trong đó có 900MW điện gió, 2.600 MW điện mặt trời, 260 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Miền Trung, đã được Chính phủ và Bộ Công thương đồng ý đưa vào Quy hoạch điện VII hơn 600 MW; số còn lại hơn 2.500 MW đang chờ bổ sung Quy hoạch của Chính phủ;

+ **Về lĩnh vực bất động sản nhà ở, khu đô thị, sân golf kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng và khu công nghiệp:** DLGL đang chuẩn bị triển khai các dự án bất động sản thuộc các lĩnh vực này tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, ...;

+ **Về lĩnh vực linh kiện điện tử:** Tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

+ **Về lĩnh vực cơ sở hạ tầng:** Công ty hiện đang sở hữu 04 trạm thu phí trên tuyến QL14. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận các trạm thu phí chưa đạt theo kế hoạch dự kiến, nhưng vẫn là nguồn thu khá ổn định của DLG. Ngoài việc tập trung cho công tác duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường tại Gia Lai, Đăk Nông, Bình Phước để đảm bảo chất lượng tuyến đường, thu phí ổn định, DLGL đang thực hiện thủ tục đầu tư và tổng thầu các dự án hạ tầng khu vực phía Nam và Đông Nam Bộ theo hình thức PPP (BT, BOT,...);

+ HDQT Công ty lựa chọn đầu tư các lĩnh vực đầu tư trọng điểm, thúc đẩy mạnh mẽ việc tái cấu trúc và nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành ở từng thời điểm cụ thể. Các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước đều tin tưởng vào những nỗ lực của HDQT và Ban lãnh đạo ĐLGL, sẵn sàng song hành cùng Đức Long Gia Lai trong những chặng đường sắp tới. Bước sang năm 2022, ĐLGL cố gắng sẽ đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra, đáp ứng sự kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

DVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng 2021 so với 2020	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.061	122.635	-15.426	-11,17%
Đầu tư ngắn hạn	50.000	50.000	0	0,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.021.732	1.790.592	-231.140	-11,43%
Hàng tồn kho	402.721	369.436	-33.285	-8,27%
Tài sản ngắn hạn khác	16.332	1.256	-15.076	-92,31%
Tổng tài sản ngắn hạn	2.628.845	2.333.919	-294.926	-11,22%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng 2021 so với 2020	% tăng giảm
Tài sản dài hạn				
Các khoản phải thu dài hạn	1.446.265	1.440.109	-6.156	-0,43%
Tài sản cố định	3.222.476	2.854.842	-367.634	-11,41%
Bất động sản đầu tư	32.812	30.960	-1.852	-5,64%
Tài sản dở dang dài hạn	485.862	32.436	-453.426	-93,32%
Các khoản đầu tư dài hạn	7.283	6.954	-329	-4,52%
Tài sản dài hạn khác	424.452	371.128	-53.324	-12,56%
Tổng tài sản dài hạn	5.619.151	4.736.430	-882.721	-15,71%
Tổng tài sản	8.247.996	7.070.349	-1.177.647	-14,28%

b) *Tình hình nợ phải trả*

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng 2021 so với 2020	% tăng giảm
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	3.050.674	2.734.296	-316.378	-10,37%
Nợ dài hạn	2.686.945	2.017.218	-669.727	-24,93%
Tổng nợ	5.737.619	4.751.514	-986.105	-17,19%
Vốn chủ sở hữu				
Vốn chủ sở hữu	2.510.377	2.318.835	-191.542	-7,63%
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.993.097	2.993.097	0	0,00%
Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối	-866.997	-850.365	16.632	-1,92%
Tổng nguồn vốn	8.247.996	7.070.349	-1.177.647	-14,28%

Một số yếu tố khác:

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá**

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- **Công tác quản trị:** Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp:

+ Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh;

+ Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GD&ĐT thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng năng suất lao động;

+ Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Tập đoàn.

- **Công tác nhân sự - lao động:**

+ Đã cơ cấu, luân chuyển nhân sự quản lý cấp cao (TGD, KTT các Công ty thành viên) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình phát triển giai đoạn mới;

+ Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ

thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực, sắp xếp, định biên lại nhân sự các phòng, ban Văn phòng Tập đoàn và các công ty/đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;

+ Đảm bảo đúng kỷ luật, nội quy nề nếp và an toàn trong lao động. Tất cả cán bộ nhân viên ĐLGL đều được trang bị đầy đủ công cụ lao động cần thiết, môi trường công tác đảm bảo trong điều kiện tốt nhất.

+ Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt công tác thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho cán bộ nhân viên và gia đình trong những ngày sinh nhật, cưới hỏi; thăm hỏi những lúc ốm đau, hoạn nạn; kỷ niệm các ngày lễ như: Ngày QIPN 08/3, giỗ tổ Hùng Vương 10/03 ÂL, Ngày chiến thắng 30/4, Quốc tế lao động 01/5, Quốc khánh 2/9, Ngày PNVN 20/10. Tổ chức tặng quà và khen thưởng cho con cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc, tặng quà nhân dịp Ngày QTTN 01/6, tổ chức Trung thu cho con em cán bộ Tập đoàn ...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các hoạt động kinh tế - xã hội được dự báo sẽ phục hồi mạnh hơn khi dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn và Việt Nam tiếp tục chiến lược sống chung an toàn với COVID-19. Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 8/1/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 đưa ra chủ đề điều hành của năm mới là "Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển".

Năm 2022, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch với các gói hỗ trợ thông qua chính sách tài khóa và tiền tệ là cơ hội cho doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất trên diện rộng và mạnh mẽ hơn trước. Cầu nội địa sẽ phục hồi và gia tăng dần do nước ta đã đạt tỷ lệ tiêm vắc xin phòng COVID-19 cao. Ngoài ra, triển vọng về tiêu dùng trong nước dự báo sẽ tích cực hơn nhờ hỗ trợ từ gia tăng thu nhập, mở rộng việc làm. Mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2022 là 6-6,5%.

- **Mục tiêu, định hướng:** Thực hiện mục tiêu, định hướng chiến lược của Đức Long Gia Lai trong năm 2022 và các năm tiếp theo, là: Tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Cơ sở hạ tầng; Năng lượng tái tạo và Sản xuất linh kiện điện tử. Ngoài ra, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả.

- **Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2022:**

CHỈ TIÊU	2022
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.500
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	60

- **Các biện pháp triển khai kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022:**

- + **Đẩy mạnh tiến độ thi công các Dự án:** thủy điện trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; Dự án khách sạn Đức Long Gia Lai I,... để góp phần tăng doanh thu của ĐLGL trong năm 2022 và những năm tiếp theo;
- + **Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án tiềm năng** đã được các cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư: triển khai đồng loạt thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với gần 4.000MW (trong đó có 900MW điện gió, 2.600 MW điện mặt trời, 260 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Miền Trung, đã được Chính phủ và Bộ Công thương đồng ý đưa vào Quy hoạch điện VII hơn 600 MW; số còn lại hơn 2.500 MW đang chờ bổ sung Quy hoạch của Chính phủ. Ngoài ra, ĐLGL sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư tại địa bàn các tỉnh, thành phố để phục vụ cho mục tiêu, định hướng chiến lược đã đề ra;
- + **Mở rộng đầu tư các Nhà máy sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại Việt Nam:** Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Nẵng; đưa vào sản xuất smart tivi phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.
- + **Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.** Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc quản lý chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận;
- + **Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các loại hình kinh doanh dịch vụ song song với công tác nghiên cứu, mở rộng thị trường.** Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh ĐLGL ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại. Làm tốt công tác công bố thông tin đúng quy định hiện hành;
- + **Chủ động cân đối nguồn vốn hiện có của đơn vị thông qua việc tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ phải thu hiệu quả, giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi có thể phát sinh.**

+ Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp, các định chế tài chính và khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

+ Trong công tác quản lý, điều hành: Bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chủ trương của HĐQT để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của TGD, phát huy vai trò chủ động của các thành viên trong Ban TGD, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại.

+ Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc. Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của DLGL. Chăm lo và đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021: Không có*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

- Về an sinh xã hội: Là doanh nghiệp luôn chủ động, tích cực trong công tác hỗ trợ giảm nghèo, đề cao vai trò, trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng gắn với phát triển kinh doanh. Vì vậy, Tập đoàn xây dựng riêng quỹ phúc lợi để tham gia thường xuyên các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo tại nhiều địa phương trong cả nước. Tập đoàn cũng có những đóng góp tích cực, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của DLGL đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

- Về công tác bảo vệ môi trường: Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên DLGL đặc biệt quan tâm đến công tác khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường:

+ DLGL đã khai thác có hiệu quả các tài nguyên hiện có. Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của DLGL đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. DLGL luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng xử phạt vi phạm môi trường.

+ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trong lành: Đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

+ Tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2021, dịch bệnh covid và những biến chứng mới đã đe dọa nền kinh tế toàn cầu, chuỗi cung ứng thế giới tắc nghẽn, nhu cầu hàng hoá tăng vọt trong khi hoạt động sản xuất và vận tải không phục hồi với tốc độ tương ứng, khiến toàn bộ chuỗi cung ứng bị thất lại ở nhiều điểm. Sự tắc nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu khiến lạm phát leo thang. Ngoài ra, lạm phát còn tăng do chính sách tiền tệ và tài khoá siêu lỏng lẻo của các quốc gia nhằm vực dậy nền kinh tế trong đại dịch. Bên cạnh sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu tiêu dùng, giá lương thực thực phẩm và giá nhiên liệu tăng chóng mặt cũng là những lý do quan trọng khác đẩy giá cả nói chung đi lên. Căng thẳng Mỹ-Trung vẫn tiếp diễn.

Trong bối cảnh của nền kinh tế hiện tại, HĐQT Công ty đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, từ đó đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời. Tập đoàn đã kiên định định hướng chiến lược, là: Một mặt, tiếp tục chọn lọc để đầu tư chiều sâu vào một số ngành nghề kinh doanh truyền thống đang hiệu quả; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế.

1.1 Tình hình hoạt động các ngành nghề và kết quả kinh doanh:

Năm 2021, tình hình thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra ở nhiều vùng, ảnh hưởng lớn đến hoạt động các lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng của công ty. Ngoài ra, giá bán nông sản xuống thấp đã ảnh hưởng đến vườn chè, cà phê và việc khai thác diện tích cao su đến kỳ cạo mù. Cùng với đó, sự thắt chặt tài chính của Ngân hàng, công cuộc phòng chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước đã đi vào hiệu lực, hiệu quả, dẫn đến các thủ tục quản lý Nhà nước bị chậm trễ, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình làm hồ sơ, pháp lý để xây dựng, đầu tư các dự án bất động sản, năng lượng, xây dựng dân dụng và cầu đường, khiến cho nhiều dự án chậm hoàn thành và không được đưa vào khai thác đúng tiến độ.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục lây lan trong cộng đồng trên toàn thế giới, trực tiếp ảnh hưởng đến toàn xã hội, trong đó các doanh nghiệp Việt Nam đang phải gánh chịu nhiều tổn thất nặng nề; DLGL xác định tập trung vào mục tiêu kép: Vừa chống dịch, vừa ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với tình hình mới. Một mặt, tiếp tục đầu tư có chiều sâu vào một số ngành nghề truyền thống mang lại hiệu quả; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực thế mạnh của Tập đoàn

Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2021 không đạt như kế hoạch, nhưng đây cũng được xem là thành quả đáng ghi nhận trong công tác chỉ đạo, điều hành của Tập đoàn DLGL trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động, cụ thể như sau:

Kết thúc năm tài chính 2021, doanh thu thực hiện đạt 1.549,2 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch, lợi nhuận 11,79 tỷ đồng đạt 24% kế hoạch.

Doanh thu chủ yếu thực hiện được trong các lĩnh vực hoạt động: Điện tử và linh kiện điện tử, thu phí đường bộ theo hình thức BOT, xây dựng (tổng thầu các công trình), thủy điện và thương mại - dịch vụ. Nhà máy sản xuất điện tử, linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM đã ký nhiều hợp đồng gia công sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử xuất khẩu sang Mỹ, EU, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho lĩnh vực này; các dự án BOT vẫn duy trì hoạt động tạo ra được nguồn doanh thu tăng khá ổn định. Cho đến nay, chất lượng các dự án BOT của Tập đoàn trên tuyến QL14 vẫn được duy trì rất tốt, được Chính phủ, các bộ ban ngành, các tỉnh Tây Nguyên, người tham gia giao thông, người dân đánh giá cao.

1.2. Công tác đầu tư:

Một số công tác đầu tư tiêu biểu của Đức Long Gia Lai trong năm 2021, đó là:

- Về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Công ty đã đầu tư và phát triển nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời tại các tỉnh Lâm Đồng, Kon Tum. Ngoài ra, Tập đoàn đang triển khai đồng loạt thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với gần 4.000MW (trong đó có 900MW điện gió, 2.600 MW điện mặt trời, 260 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Miền Trung, đã được Chính phủ và Bộ Công thương đồng ý đưa vào Quy hoạch điện VII hơn 600 MW; số còn lại hơn 2.500 MW đang chờ bổ sung Quy hoạch của Chính phủ;

- Về lĩnh vực đầu tư bất động sản, nhà ở, khu đô thị, sân golf kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng và khu công nghiệp: DLGL đang chuẩn bị triển khai các dự án bất động sản thuộc các lĩnh vực này tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, ...;

- Về lĩnh vực linh kiện điện tử: Tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư

thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

- Về lĩnh vực nông nghiệp: ĐLGL đã và đang đầu tư vào các dự án trồng trọt và chăn nuôi (heo, bò) áp dụng công nghệ cao tại các tỉnh Đắk Nông, Gia Lai;

- Ngoài ra, năm 2021 Tập đoàn đã được Chính phủ, các bộ, ngành TW và chính quyền các tỉnh, Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án quan trọng nằm trong chiến lược phát triển của ĐLGL, thuộc các lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng thu phí, khu công nghiệp và năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời) tại các tỉnh, thành phố lớn trong nước như TP.HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đà Nẵng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung, Gia Lai nói riêng.

1.3. Về công tác đối ngoại:

Trong năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao. Tập đoàn vinh dự đón rất nhiều đoàn Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc. Rất nhiều đoàn lãnh đạo các bộ ban ngành TW, thành ủy, tỉnh ủy, UBND cùng các sở ban ngành của các tỉnh, TP đến thăm và làm việc tại Hội sở ĐLGL. HĐQT Đức Long Gia Lai cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí..., đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của Đức Long Gia Lai đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức. Từ đó, nâng cao vị thế, thương hiệu của ĐLGL trong giai đoạn mới, với một tầm cao mới.

1.4. Về các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

HDQT luôn chỉ đạo việc đề cao vai trò công tác bảo vệ môi trường và xã hội trong mọi hoạt động của Công ty, thể hiện bằng các hành động cụ thể. Tổng Giám đốc quán triệt trong cán bộ nhân viên về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Việc quản lý, tiêu thụ năng lượng và nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được tinh tiết kiệm, hiệu quả. Hơn 50% nguyên vật liệu được đưa vào tái chế, tận dụng để sản xuất các sản phẩm phụ. Các cơ sở sản xuất và trụ sở các công ty, đơn vị thành viên đều xử lý rác thải nội bộ, và hợp đồng với chính quyền địa phương để xử lý rác công cộng. Bên cạnh đó, công ty trồng và chăm sóc cây xanh sạch, đẹp. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đã tham gia tích cực các phong trào do các cơ quan ban ngành, địa phương phát động. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

HDQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGD có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HDQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3. Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

3.1- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 đã miễn nhiệm thành viên HDQT đối với ông JaeGyun Kim và ông Nguyễn Hồng Sơn. HDQT Công ty có 05 thành viên, gồm các Ông: Bùi Pháp, Trần Cao Châu, Lê Đức Kỳ, Võ Mộng Hùng và ông Paul Anthony Murphy, trong đó số lượng thành viên HDQT độc lập là 2 người, số lượng thành viên không điều hành là 3 người, đảm bảo cơ cấu theo đúng Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị; Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. HDQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và hàng chục cuộc họp bất thường, hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HDQT với các thành viên HDQT và Ban điều hành. HDQT đã ban hành 13 quyết định, nghị quyết và hàng trăm văn bản thông thường khác. Nhìn chung, các cuộc họp của HDQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao. Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HDQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HDQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm

tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị là: Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng, Phó Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng, các thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng/người. Ngoài ra, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và sẽ được thưởng: 2% trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm và 5% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, ngoài các thành viên HĐQT có tham gia kiêm nhiệm làm việc tại Tập đoàn và tại các công ty thành viên trực thuộc tự nguyện không nhận thù lao; các thành viên khác cũng tự nguyện không nhận thù lao do Tập đoàn thực hiện không đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

3.2- Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đều báo cáo minh bạch hiệu quả sản xuất kinh doanh, các vấn đề phát sinh, đề nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, thường xuyên tổ chức hội ý hàng ngày, giao ban tuần và sơ kết hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng chức năng tham mưu và thông tin theo quy định, thường xuyên kiểm tra thực tế để nắm bắt thông tin, nhờ đó đã giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp bất thường, lãnh đạo, chỉ đạo một cách sát sao, hành động quyết liệt và cụ thể, giao quyền cho Tổng Giám đốc trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; giải quyết kịp thời các công việc phát sinh; đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán, tuân thủ Điều lệ Công ty và Nghị quyết HĐQT nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình tác nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung

3.3- Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác:

HQĐT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế

độ dài ngộ thừa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả.

4. Các kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển 05 năm (2021-2025) và kế hoạch 3 năm (2021 - 2023) của của Hội đồng quản trị:

4.1 - Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục lây lan trong cộng đồng trên toàn thế giới, trực tiếp ảnh hưởng đến toàn xã hội, trong đó các doanh nghiệp Việt Nam đang phải gánh chịu nhiều tổn thất nặng nề; DLGL xác định tập trung vào mục tiêu kép: Vừa chống dịch, vừa ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với tình hình mới. Theo đó, DLGL tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện các lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự, dựa trên nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: “**Tư duy hành động - Phát triển bền vững - Đoàn kết sức mạnh - Tôn chỉ pháp luật**”; với mục tiêu: “**Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư mạnh hàng đầu của Việt Nam cả về vốn hóa, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh, khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế**”.

4.2 - DLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2021-2025: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư và kinh doanh bất động sản nhà ở và khu đô thị; đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe.

Định hướng phát triển các ngành nghề cụ thể như sau:

- **Về cơ sở hạ tầng:** Cùng với việc quản lý chuyên sâu, duy tu bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng tốt cho các dự án Quốc lộ 14 từ Gia Lai đến Bình Phước nhằm ổn định hoạt động thu phí, đồng thời tiếp tục đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng mức thu phí theo đúng lộ trình đã ký, đề xuất các tổ chức tín dụng cơ cấu lại gốc và lãi các dự án BOT phù hợp với thực tế doanh thu của các trạm thu phí. Ngoài ra, DLGL sẽ tiếp tục tham gia đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng các tuyến đường tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ theo hình thức BT, BOT.

- **Về năng lượng:** Đầu tư và duy trì hoạt động ổn định các dự án thủy điện và điện mặt trời đã đưa vào khai thác. Trong vòng 5 năm tới, Tập đoàn tập trung đẩy mạnh các dự án năng lượng tái tạo bao gồm thủy điện, điện mặt trời và điện gió. Trong đó, tổng công suất các dự án điện gió dự kiến đạt 900 MW, điện mặt trời vào khoảng 2.600 MW, trong đó 2.000 MW xây dựng trên đất liền, 600 MW xây dựng trên lòng hồ, vùng bán ngập của lòng hồ và 260 MW thủy điện. Một số dự án đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công thương phê duyệt, đưa vào

quy hoạch Tổng sơ đồ diện VII. Các dự án còn lại tại các tỉnh: Ninh Thuận, Gia Lai nói riêng, các tỉnh Tây Nguyên nói chung sẽ lần lượt đưa vào Quy hoạch của Chính phủ;

- Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử: DLGL tiếp tục đầu tư chuyên sâu, mở rộng thị trường các công ty DLG Ansen tại Đông Quán, Quảng Đông, Trung Quốc; DLG Hanbit tại Seoul, Hàn Quốc, trung tâm điều hành các công ty đặt tại Hồng Kông, đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm với mẫu mã mới, chất lượng vượt trội. Ngoài ra, DLG đang mở rộng quy mô ở thị trường Việt Nam. Việc đầu tư mở rộng thêm dây chuyền sản xuất Smart tivi mang thương hiệu Hàn Quốc trong năm 2021 bị chậm do ảnh hưởng bởi Covid-19 sẽ được tiếp tục triển khai, phục vụ xuất khẩu ra nước ngoài trong năm 2022. Bên cạnh đó, DLGL sẽ tập trung mở rộng một số nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử và điện tử đa sản phẩm tại tỉnh Bình Dương, Tp. Đà Nẵng và Khu công nghệ cao quận 9, Tp.HCM vừa gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho các năm tiếp theo, vừa tránh được ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch Covid-19;

- Nông nghiệp công nghệ cao: Tập trung đầu tư phát triển các lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh;

- Các lĩnh vực, ngành nghề truyền thống: Bao gồm chế biến sản phẩm đồ gỗ và bến xe bãi đỗ, khách sạn, dịch vụ bảo vệ, Tập đoàn sẽ đầu tư chuyên sâu, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho khách hàng sử dụng dịch vụ bến xe, cung cấp sản phẩm đồ gỗ phục vụ cho các công trình của Tập đoàn là chủ yếu, giữ vững thương hiệu DLGL đã được xây dựng ngay từ ban đầu.

4.3- Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư:

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư các năm qua của DLGL, dự báo biến động tình hình kinh tế thế giới và những Chính sách, cơ chế trong nước, nhất là diễn biến đại dịch Covid-19, HĐQT cân nhắc, thận trọng, đề nghị Đại hội thông qua các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2022, như sau:

CHỈ TIÊU	2022
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.500
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	60

4.4- Giải pháp tổ chức thực hiện:

Để khắc phục các khó khăn trước mắt và thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, HĐQT tập trung đẩy mạnh các giải pháp sau:

- ĐHDCTD thường niên năm 2021 thông qua miễn nhiệm 02 thành viên HĐQT: Ông Jaegyun Kim và ông Nguyễn Hồng Sơn theo đơn từ nhiệm. Hội đồng quản trị vẫn giữ số lượng là 05 thành viên HĐQT còn lại, không bổ sung thành viên HĐQT mới. Thành lập Tổ cố

vấn chiến lược cho HĐQT. Duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đối với Ban điều hành, HĐQT vẫn giữ các thành viên hiện có, đồng thời tăng cường các nhân sự cấp cao, có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức tương đối toàn diện để tham gia hoạch định chiến lược và điều hành Công ty; đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo minh bạch, công khai, trong sạch, vững mạnh, mang lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với cam kết, mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới và góp phần nâng cao năng lực quản trị của ĐLG theo tiêu chuẩn quốc tế. Đề nghị các thành viên trong Ban điều hành nâng cao tinh thần trách nhiệm, “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”, với phương châm: “Không nói không, nói khó, không nói có mà không làm”; lấy hiệu quả làm thước đo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công;

- Tiếp tục cấu trúc toàn diện Công ty, trên tất cả các lĩnh vực từ sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự, tập trung vào các giải pháp:

+ Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Tiếp tục cấu trúc các ngành nghề. Tập trung cơ cấu lại các ngành nghề chiến lược, đầu tư vào các lĩnh vực Tập đoàn có kinh nghiệm, thế mạnh và đã có kết quả dòng tiền tốt, đã được Chính phủ, các bộ ngành TW, các tỉnh, thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời quyết tâm thoái vốn các ngành nghề đã đầu tư kém hiệu quả.

+ Công tác tài chính: Tiếp tục cấu trúc tài chính toàn diện thành công, tập trung vào việc thoái vốn, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư kém hiệu quả, phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp khi đủ điều kiện, tiến tới giảm thấp nhất nguồn vốn vay ngân hàng.

+ Hoạt động hợp tác đầu tư: Mời gọi các đối tác là doanh nghiệp lớn trong nước tham gia đầu tư vào những dự án tiềm năng thuộc các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng, năng lượng, bất động sản nhà ở và khu đô thị. Hoạt động hợp tác đầu tư này nhằm gia tăng liên minh và huy động được nguồn vốn giá rẻ, bổ sung kinh nghiệm trong quản trị và điều hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

+ Hoạt động cấu trúc nhân sự:

* Thực hiện chính sách “Chiêu hiền đãi sĩ”, nâng cao năng lực, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBNV đã có hơn 15 năm kinh nghiệm, gắn bó với ĐLG, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Đào tạo đội ngũ CBNV để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài;

* Tăng cường các nhân sự cấp cao có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức tương đối toàn diện để tham gia hoạch định chiến lược và điều hành Công ty; đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo minh bạch, công khai, trong sạch, vững mạnh, mang lại hiệu quả

cao nhất, phù hợp với cam kết, mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới và góp phần nâng cao năng lực quản trị của ĐLG theo tiêu chuẩn quốc tế;

* *Kiên toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ*, chú trọng công tác kiểm soát, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng đồng vốn có hiệu quả;

* *Đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại* theo tiêu chuẩn quốc tế. Ứng dụng công nghệ 4.0, áp dụng kinh doanh số và quản trị số nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, chất lượng, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
1.	Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	74.226.523	24,8%	- Chủ tịch HĐQT tại 04 công ty khác. - Chủ tịch HĐQT tại 01 công ty khác.
2.	Trần Cao Châu	TV HĐQT	525.000	0,18%	-
3.	Võ Mộng Hùng	TV độc lập HĐQT	0	0%	-
4.	Lê Đức Kỳ	TV độc lập HĐQT	830.000	0,28%	-
5.	Paul Anthony Murphy	TV HĐQT	0	0%	-
6.	Nguyễn Hồng Sơn (<i>đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 10/05/2021 và được ĐHĐCD thường niên 2021 thông qua ngày 19/6/2021</i>)	TV độc lập HĐQT	0	0%	Thành viên HĐQT tại 01 công ty khác.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
7.	Jaegyun Kim (đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 29/01/2021 và được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua ngày 19/6/2021)	TV HĐQT	0	0%	-

- Ông Bùi Pháp

- + Năm sinh: 1962
- + Trình độ: Chuyên viên kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai
 - ✓ 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 17/01/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Ông Trần Cao Châu

- + Năm sinh: 1971
- + Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1992 – 1997 : Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 1997 – 2001 : Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
 - ✓ Từ năm 2001 – năm 2002 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 2002 – 2006 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;

- ✓ Từ năm 2006 – 2013 : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;
- ✓ Từ năm 2013 – 2016 : Kinh doanh tư nhân;
- ✓ Từ 4/2016 – 4/2018 : Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ năm 2016 – 5/2017 : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ Từ 5/2017 – 3/2018 : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 4/2018 – 02/9/2019 : Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 6/2019 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 9/2019 – 9/2021 : Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Võ Mộng Hùng**

- + Năm sinh: 1974
- + Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Trung cấp Giao thông vận tải.
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 2008 đến hết 2009: Phó Giám đốc CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
 - ✓ Từ 2010 đến nay: Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc
 - ✓ Từ 6/2020 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Lê Đức Kỳ**

- + Năm sinh: 1959
- + Trình độ: Thạc sỹ Luật
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1977 – 2014: Lực lượng vũ trang công an nhân dân
 - ✓ Từ 2014 – 6/2019: Nghỉ hưu theo chế độ

✓ Từ 6/2019 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Paul Anthony Murphy**

+ Năm sinh: 1957

+ Quá trình công tác:

✓ 1991 – 2001: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Viễn Thông Vtech

✓ 2001 – 2004: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Elite

✓ 2004 – 2006: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Quốc tế IDT

✓ 2007 – 2008: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Điện Tử iXone

✓ 2008 – 2011: Phó Tổng tại Công ty TNHH Flextronics

✓ 2011 - 2014: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty điện tử Ansen

✓ 2016 - nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty TNHH Đầu tư Ansen

✓ 6/2018 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Ông Nguyễn Hồng Sơn** (Đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 10/05/2021 và được ĐHDCTD thường niên 2021 thông qua ngày 19/6/2021)

+ Năm sinh: 1965

+ Trình độ: Cử nhân kinh tế

+ Quá trình công tác:

✓ Từ 1989 đến 1997: Công tác tại CA tỉnh Thừa Thiên Huế

✓ Từ 1997 đến 2018: Chuyển ngành qua làm kinh tế tại Đà Nẵng.

✓ Từ 1997 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP Thạch Bàn Miền Trung, điều hành kinh doanh gạch Thạch Bàn của 17 tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên.

✓ Từ 6/2019 đến 10/5/2021: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Ông Jaegyun Kim** (đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 29/01/2021 và được ĐHDCTD thường niên 2021 thông qua ngày 19/6/2021)

- + Năm sinh: 1963
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 04/1997 - 05/2000: Tổng Giám đốc Nhóm hoạt động tài khoản riêng của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ SK
 - ✓ 02/2003 - 07/2005: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Saehan IT
 - ✓ 04/2010 - 03/2014: Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH Điện Tử Sejin
 - ✓ 04/2011 - 11/2014: Giám đốc điều hành và Chủ tịch tại Công ty Điện tử Hanbit (công ty con của Sejin Electron)
 - ✓ 07/2012 - 01/2014: Giám đốc điều hành và Phó Chủ tịch cấp cao tại Công ty TNHH Mercury Asset Plus (công ty con của Sejin Electron)
 - ✓ 07/2016 – nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty điện tử DLG Hanbit
 - ✓ Làm việc với tư cách là chuyên gia của nhiều vị trí trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính và Điện tử hơn 27 năm.
 - ✓ 6/2018 – 28/01/2021: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu. Cụ thể:

- + Chánh văn phòng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty.
- + Ông Lê Đức Kỳ - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác tổ chức nhân sự, thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với địa phương và Trung ương ở nước ngoài.
- + Ông Võ Mộng Hùng - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên thuộc Công ty và các công ty đầu tư/liên kết;
- + Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát đồng tiền và nghiệp vụ. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận các năm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Hiện tại, công ty có kế hoạch thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Thành phần của các tiểu ban bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Công ty đang tìm kiếm người có kiến thức, kỹ năng, có hiểu biết chung về pháp luật, am hiểu về hoạt động của công ty, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty để thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Tổng hợp các cuộc họp trong năm 2021:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HDQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HDQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012	29/04/2017	-	14/14	100%	-
2	Trần Cao Châu	Thành viên	29/6/2019	-	-	14/14	100%	-
3	Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/6/2019	-	-	14/14	100%	-
4	Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/6/2018	-	-	14/14	100%	-
5	Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/6/2020	-	-	14/14	100%	-
6	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	29/6/2019	-	10/5/2021	04/14	28,6%	Có đơn xin từ nhiệm TV HDQT kể từ ngày 10/5/2021

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
7	Jacgyun Kim	Thành viên	23/6/2018	-	29/01/2021	0/14	0%	Có đơn xin từ nhiệm TV HĐQT kể từ ngày 29/01/2021.

Vi lý do bất khả kháng bởi ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên các thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị vẫn thường xuyên liên lạc trao đổi thông tin, các vấn đề quan trọng trong việc điều hành, hoạt động kinh doanh của Công ty qua email, điện thoại, ...

Tổng kết tình hình ban hành các Quyết định HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT-DLGL	01/02/2021	Về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan	100%
2	02/QĐ-HĐQT-DLGL	23/3/2021	Về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
3	03/QĐ-HĐQT-DLGL	22/4/2021	Về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD của Công ty năm 2020 và thông qua kế hoạch SXKD, định hướng phát triển năm 2021	100%
4	04/QĐ-HĐQT-DLGL	26/4/2021	Bàn về các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	05/QĐ-HĐQT- ĐLGL	28/5/2021	Về việc thông qua các hồ sơ trình tại ĐHĐCD thường niên năm 2021	100%
6	06/QĐ-HĐQT- ĐLGL	30/6/2021	Về việc đánh giá tình hình hoạt động SXKD quý 2 năm 2021 và triển khai kế hoạch các tháng cuối năm 2021	100%
7	07/QĐ-HĐQT- DLG	13/07/2021	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán BCTC năm 2021	100%
8	08/QĐ-HĐQT- ĐLGL	04/8/2021	Về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	100%
9	09/QĐ-HĐQT- ĐLGL	16/8/2021	Về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Tường Cột	100%
10	10/QĐ-HĐQT- ĐLGL	29/9/2021	Về việc cấu trúc lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty thành viên (thoái toàn bộ cổ phần tại 02 công ty con: CTCP năng lượng Tân Thuận và CTCP đầu tư và kinh doanh bất động sản Đức Long Gia Lai)	100%
11	11/QĐ-HĐQT- ĐLGL	30/9/2021	Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật công ty đối với ông Trần Cao Châu và bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật công ty đối với ông Nguyễn Tường Cột	100%
12	11B/QĐ-HĐQT- ĐLGL	15/10/2021	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3 và phương hướng nhiệm vụ quý 4 năm 2021.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	12/QĐ-HĐQT- DLGL	30/11/2021	Về việc cấu trúc lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty thành viên (thoái toàn bộ cổ phần tại 02 công ty con: CTCP Cà phê Gia Lai và CTCP chè Biển Hồ)	100%
14	13/QĐ-HĐQT- DLGL	27/12/2021	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 và năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022	100%

d) Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Các thành viên độc lập HĐQT đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tích cực vì quyền lợi của chủ sở hữu và các cổ đông. Cụ thể:

Ông Lê Đức Kỳ - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác tổ chức nhân sự, thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với địa phương và Trung ương ở nước ngoài.

Ông Võ Mộng Hùng - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên thuộc Công ty và các công ty đầu tư/liên kết;

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

S T T	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018- 2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1.	Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	24/4/2015	29/04/2017	04/04	0	0	-

S T T	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
2.	Đặng Thị Hà	Thành viên BKS	23/6/2018	-	04/04	0	0	-
3.	Trần Đình Anh Dũng	Thành viên BKS	20/6/2020	-	04/04	0	0	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp đánh giá tình hình hoạt động quý 1, và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo	31/03/2021	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 1 và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo năm 2021.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
2	Họp 6 tháng đầu năm 2021	11/06/2021	Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm, xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2021.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
3	Phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban kiểm soát	21/6/2021	Bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
4	Họp 6 tháng cuối năm 2021	31/12/2021	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, tổng kết năm 2021 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2022.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHDCCD giao được tốt hơn.

- + Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Tập đoàn.
- + Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- + Phối hợp cùng với bộ phận giúp việc cho HĐQT, BDH, lãnh đạo các Công ty thành viên trực thuộc, thông qua các kiểm soát viên được phân công, BKS đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát về quy chế, quy định, quy trình hoạt động ... tại các Công ty thành viên và các dự án đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu quả đầu tư và cảnh báo kịp thời các rủi ro.
- + Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- + Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- + Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, lĩnh vực điện tử, Năng lượng, Thủy điện, Nông Nghiệp, dịch vụ bến xe, bãi đỗ, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- + Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHDCCD thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- + Hoạt động của HĐQT trong năm 2021 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.
- + HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.
- + HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2021, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.

+ Ban TGD chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện dấu hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.

+ Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phân ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Đức Long Gia Lai trong năm qua.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông

+ Tính đến thời điểm 31/12/2021, Ban TGD có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2021, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

+ HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên theo đúng quy định.

+ BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, đã thông qua kế hoạch lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS năm 2021. Cụ thể như sau:

- Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát:

- + Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- + 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm;
- + 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

- Trong năm 2021, lương của Ban Tổng giám đốc là 1,44 tỷ đồng. (Trình bày tại mục 3a khoản VIII thuyết minh BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán)

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng
			Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	
1.	Vũ Thị Hải	Phó TGD, Trưởng Ban QHNDT, Người được ủy quyền CBTT	35.479	0,012%	1.535.479	0,513%	Ngày 19/7/2021 mua thêm cổ phiếu;

c) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Quy chế quản trị Công ty đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý,

giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả. HĐQT, Ban TGD cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật quan trọng mới liên quan đến hoạt động của Công ty và lĩnh vực chứng khoán có hiệu lực (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Thông tư 96/2020/TT-BTC, ...). Với mục tiêu xây dựng Điều lệ, Quy chế của Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ. Hội đồng quản trị đã sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, quy chế bỏ phiếu điện tử và được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua. Bên cạnh đó, dựa trên các văn bản pháp luật mới hiệu lực, Ban kiểm soát cũng đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 2204/22/BCK/PAUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN DỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lại và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trung 10 đến trung 65, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Các vấn đề cần nhận mạnh

- Theo thuyết minh V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất), Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.278.295.423.735 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.
- Theo Thuyết minh số VIII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 400.377.130.932 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhận mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021, dựa trên ý kiến kiểm toán ngoại trừ có vấn đề cần nhận mạnh. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhận mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhận mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước đã được Tập đoàn trình bày lại số dư đầu năm trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số năm trước trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) đính kèm (xem Thuyết minh VIII.5). Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 1 năm 2022



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Em VIETVALUES.

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

2. **Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021**
Phụ lục đính kèm

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán được công bố thông tin trên địa chỉ website công ty: <http://www.duclonggroup.com/bao-cao-tai-chinh.html>

Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM:
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALDES)
Công ty thành viên của JPA International
Tòa số chính: 33 Hòa Văn Xuân, phường 15, quận 5, Tp HCM
Tel: +84 (28) 3879 4188 Fax: +84 (28) 3879 2289
Email: audit@vietvaldes.com Website: www.vietvaldes.com



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG
GIA LAI**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 07
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	08 – 09
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31/12/2021	10 – 11
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	13
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	14 – 61
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	62
8. Phụ lục 02: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	63
9. Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	64
10. Phụ lục 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	65

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và 05 công ty con cùng 01 công ty liên kết (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên tiếng Anh: Duc Long Gia Lai Group JSC) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ đăng ký thay đổi lần thứ 33 vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ : 2.993.097.200.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021 : 2.993.097.200.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DLG.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai.
 Điện thoại : +84 (269) 374 8367
 Fax : +84 (269) 374 7366
 Mã số thuế : 5900415863

2.2 Thông tin về công ty con và công ty liên kết

Thông tin về công ty con tính đến ngày 31/12/2021:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%
2	Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.Án Chư Sê, H.Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%
3	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành Phố Đà Nẵng	Thôn Quà Giảng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	100%	85%	100%	100%	85%	100%
4	Công ty TNHH Mass Noble Investment	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5	Công ty CP DT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	45 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
6.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thương	Thôn 2, Xã Tân Lâm, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	0%	0%	0%	88%	88%	88%
7.	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản DLGL	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	0%	0%	0%	84,03%	84,03%	84,03%
8.	Công ty CP Cà phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Trồng cây cà phê, mua bán và sản xuất các sản phẩm cà phê	0%	0%	0%	51%	51%	51%
9.	Công ty CP Chè Diên Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng cây cà phê, mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê	0%	0%	0%	51%	51%	51%

Thông tin về công ty liên kết tính đến ngày 31/12/2021:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, lập tổng đồ thi, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, Phường Điện Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cắt tạo dạng và huấn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.	40,00%	40,00%	0%	40,00%	40,00%	0%

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đầu tư và hoạt động liên quan; Đầu tư và quản lý bất động sản.	40,00%	40,00%	0%	40,00%	40,00%	0%

3. Ngành nghề hoạt động

- Hoạt động chính: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;
- Mua bán cao su mũ côm. Mua bán phân bón. Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bán buôn bê tông xi măng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay. Mua bán hàng gồm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp. Mua bán, xuất nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở chính);
- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông sản (trừ mù cao su);
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Chế biến chè, cà phê;
- Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	02/05/2017	-
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/06/2018	-
Ông Trần Cao Châu	Thành viên	29/06/2019	-
Ông Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/06/2019	-
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/06/2020	-
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	29/06/2019	10/05/2021
Ông Jaegyun Kim	Thành viên	23/06/2018	29/01/2021

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	03/05/2017	-
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	26/06/2018	-
Ông Trần Đình Anh Dũng	Thành viên	20/06/2020	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tường Cọt	Tổng Giám đốc	01/10/2021	-
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc	03/09/2019	30/09/2021
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2010	-
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	24/06/2017	-
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2018	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC-KT kiểm phụ trách kế toán	03/09/2019	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này Ông Nguyễn Tường Cọt – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 10 đến trang 65.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - *VIETCOMES* được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Số: 2204/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 10 đến trang 65, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Theo thuyết minh V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất), Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.278.295.423.735 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.
- Theo Thuyết minh số VIII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 400.377.130.932 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021, đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ có vấn đề cần nhấn mạnh. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước đã được Tập đoàn trình bày lại số dư đầu năm trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số năm trước trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) đính kèm (xem Thuyết minh VIII.5). Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES.

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.333.919.358.291	2.628.844.982.983
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	122.625.609.100	138.061.045.269
111	1. Tiền		122.133.908.755	138.061.045.269
112	2. Các khoản tương đương tiền		501.700.345	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.798.592.044.747	2.021.731.752.874
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	930.921.260.616	798.423.192.266
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	64.093.824.666	106.792.336.603
133	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	839.455.295.575	920.227.151.298
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	267.941.789.719	645.717.002.529
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(311.820.125.829)	(449.427.929.822)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	369.435.796.619	402.721.006.566
141	1. Hàng tồn kho		396.263.015.440	435.443.161.214
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(26.827.218.821)	(32.722.154.648)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.255.907.825	16.331.178.274
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	290.878.492	877.808.421
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		960.809.261	15.039.091.874
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.20	4.160.072	414.277.979
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.736.429.638.368	5.619.151.813.397
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.448.108.798.160	1.446.264.757.439
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	1.438.840.128.160	1.444.979.154.339
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.268.670.000	1.294.603.100
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		2.854.841.659.889	3.222.476.467.722
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	2.800.703.079.459	3.142.992.358.473
222	- Nguyên giá		4.203.081.498.373	4.814.310.129.936
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.404.378.418.914)	(1.671.317.771.463)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	54.138.580.430	79.484.109.249
228	- Nguyên giá		234.383.839.338	261.658.273.733
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(180.245.258.908)	(182.174.164.484)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	30.960.901.828	32.812.367.402
231	- Nguyên giá		36.149.693.891	36.149.693.891
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.188.792.063)	(23.337.326.489)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		32.436.436.566	485.862.256.004
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.13	-	68.000.956.456
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	32.436.436.566	417.861.299.548
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		6.953.519.155	7.282.691.484
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.15a	6.953.519.155	7.282.691.484
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.15b	480.000.000	480.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.15c	(480.000.000)	(480.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		371.128.322.779	434.452.473.146
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	104.078.427.070	78.295.758.401
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.16	11.935.420.573	18.245.490.649
269	3. Lợi thế thương mại	V.17	255.114.475.127	327.911.218.096
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.070.348.996.659	8.247.995.996.380

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 89 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.751.514.031.548	5.737.619.305.233
310	I. Nợ ngắn hạn		2.734.296.489.223	3.858.674.457.998
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	382.256.547.142	510.831.470.239
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	89.739.540.636	157.223.087.163
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.20	84.700.666.393	85.960.420.675
314	4. Phải trả người lao động		33.635.299.873	43.485.934.801
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.21	394.902.748.706	413.261.827.977
316	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		59.969.697	64.727.273
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.22a	510.968.054.499	455.836.724.637
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.23	1.235.319.737.094	1.380.260.781.992
323	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.25	2.713.885.192	3.739.483.241
330	II. Nợ dài hạn		2.017.217.532.325	2.486.944.847.235
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		-	13.360.026.818
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	513.636.364
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.22b	220.000.000	510.960.376
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.24	1.952.635.810.423	2.586.779.223.774
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.25	64.361.721.902	85.774.299.903
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.318.834.975.111	2.518.376.691.147
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.26	2.318.834.975.111	2.509.846.451.272
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		59.510.908.328	59.510.908.328
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(12.722.144.419)	11.478.301.383
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		6.196.436.959	6.196.436.959
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(850.565.107.591)	(866.996.707.685)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(866.996.707.685)	38.549.518.850
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		16.631.600.094	(190.546.226.535)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		132.117.681.834	315.562.312.287
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	530.239.875
431	1. Nguồn kinh phí		-	530.239.875
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.070.348.996.659	8.247.995.996.380

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
Kiểm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN TƯỜNG CỘT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.549.207.937.792	2.039.143.865.644
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	4.766.166.663	4.632.362.580
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.544.441.771.129	2.034.491.502.664
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.255.642.399.080	1.070.179.377.659
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		288.799.171.449	364.312.125.005
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	350.198.193.913	173.239.167.233
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	494.692.938.533	823.693.937.827
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		393.339.089.277	437.866.794.003
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VI.6	(329.172.329)	106.040.626
25	9. Chi phí bán hàng	VI.7	18.035.148.673	19.145.494.655
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.8	120.227.377.056	323.196.403.522
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.712.728.749	(828.378.523.340)
31	12. Thu nhập khác	VI.9	7.380.796.447	15.538.608.148
32	13. Chi phí khác	VI.10	17.391.117.902	48.015.451.614
40	14. Lợi nhuận khác		(18.001.321.455)	(32.456.753.466)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.711.407.294	(860.835.276.806)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.20	8.089.230.124	33.647.349.906
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(15.170.424.775)	54.110.950.131
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.792.601.945	(928.593.576.863)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		16.673.387.584	(905.546.191.409)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(4.880.785.639)	(23.047.385.394)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	56	(3.025)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	56	(3.025)

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Báo cáo này được lập lên từ Tài khoản đầu của tài chính hợp nhất

Trưởng phòng TC - KT
 Kiểm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN

Đang Giám Đốc



TRƯƠNG QUÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.20	4.711.487.294	(860.835.276.806)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		224.942.499.154	1.184.755.992.309
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10; V.11; V.12; V.17	211.063.175.937	211.964.618.666
03	- Các khoản dự phòng	V.7; V.8;		
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	V.15	(143.502.739.820)	321.775.936.932
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		48.328.657.556	6.070.642.221
06	- Chi phí lãi vay	VIII.1	(285.290.895.918)	297.078.080.487
07	- Các khoản điều chỉnh khác	VI.5	395.159.089.277	437.866.794.003
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.414.787.878)	-
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		229.653.906.448	323.920.715.503
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.046.415.245.162	230.319.555.877
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		107.190.102.230	16.174.062.823
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(907.478.841.807)	(7.771.901.241)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(2.992.787.267)	(29.679.467.597)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(216.122.684.278)	(180.220.614.922)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.20	(4.470.396.728)	(38.398.048.567)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.25	-	657.600.000
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(218.950.000)	(11.209.000)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		251.976.493.760	324.992.792.876
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.856.184.107)	(66.364.097.878)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.818.181.818	78.354.767.994
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ có đơn vị khác		(638.329.847.248)	(1.462.663.475.048)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		292.304.921.652	1.333.175.800.741
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(235.700.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		158.193.505.700	17.006.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		189.905.285.593	121.792.204.258
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.764.136.192)	(214.404.795.933)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.23	55.931.942.154	218.113.168.799
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.23	(286.873.087.195)	(350.292.008.440)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.25	(269.010.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(281.210.155.041)	(132.178.839.641)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		7.802.202.127	(31.590.937.698)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	138.061.045.269	168.009.328.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(22.427.638.296)	1.642.654.133
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	122.635.609.100	138.061.045.269

Gia Lai, ngày 30 tháng 1 năm 2022

Người lập báo

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
Kiểm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN



Tổng Giám Đốc

NGUYỄN VĂN TƯỜNG COT

Báo cáo này được lập kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

13

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và 05 Công ty con cùng 01 Công ty liên kết (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thành phẩm từ gỗ, sản xuất thành phẩm nông nghiệp (bắp, đậu nành, cà phê, chè,...), khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn,...), sản xuất hàng điện tử gia dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động chính: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Khách sạn; Điện thực hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;
- Mua bán cao su mủ côm. Mua bán phân bón. Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bán buôn bê tông xi măng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay. Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phụ công nghiệp. Mua bán, xuất nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở chính);
- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông sản (trừ mủ cao su);
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Chế biến chè, cà phê;
- Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và trồng giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc thiết bị. Cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dự án, bất động sản: trên 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu trong năm của Tập đoàn giảm so với năm trước là do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 19 (Covid 19) dẫn đến số lượng tiêu thụ hàng hóa (phân bón, đá), sản phẩm linh kiện điện tử, các sản phẩm từ gỗ, sản phẩm nông nghiệp như chè, cà phê và hoạt động dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ bị giảm và theo dự đoán sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai. Tuy nhiên, lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn tăng do doanh thu tài chính tăng từ việc thoái vốn các công ty con; chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu do trích lập nợ phải thu khó đòi trong năm giảm so với năm trước và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay. Đồng thời, chi phí lãi vay và khoản lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư giảm dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế Tập đoàn tăng so với cùng kỳ năm trước.

Chi tiết các cty con thoái vốn trong năm như sau :

STT	Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP Năng lượng Tân Thương	0%	0%	0%	88%	88%	88%
2.	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai	0%	0%	0%	84,03%	84,03%	84,03%
3.	Công ty CP Cà phê Gia Lai	0%	0%	0%	51%	51%	51%
4.	Công ty CP Chế Biến Hồ	0%	0%	0%	51%	51%	51%

6. Các Công ty con và Công ty liên kết

6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất

- Số lượng Công ty con tại ngày 01/01/2021 : 09 Công ty
- Số lượng Công ty con tại ngày 31/12/2021 : 05 Công ty
- Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2021 : 05 Công ty
- Chi tiết các Công ty con được hợp nhất như sau :

STT	Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP BOT và HT Đức Long Đắk Nông	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%
2.	Công ty CP BOT và HT Đức Long Gia Lai	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%
3.	Công ty CP Bến xe Lớn tỉnh Phú Nam Thành Phố Đà Nẵng	100%	85%	100%	100%	85%	100%
4.	Công ty TNHH Mass Noble Investment	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5.	Công ty CP DT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Số lượng Công ty liên kết tại ngày 31/12/2021: 03 Công ty
- Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất : 01 Công ty
- Chi tiết các Công ty liên kết :

STT	Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên ⁽¹⁾	40,00%	40,00%	0%	40,00%	40,00%	0%
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam ⁽¹⁾	40,00%	40,00%	0%	40,00%	40,00%	0%

⁽¹⁾ Đến thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty chưa góp vốn vào Công ty CP Đức Long Tây Nguyên và Công ty CP DLG CY Việt Nam nên Tập đoàn không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (xem Thuyết minh mục 1.13)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Giữ định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng. Đồng thời, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 400.377.130.932 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.767.001.573.335 đồng.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Hội đồng quản trị của Tập đoàn đã đưa ra kế hoạch và mục tiêu trong năm 2022 + 2023, tập trung phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án đang đảm bảo dư nợ ngân hàng nhằm giảm dần dư nợ gốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để tìm đối tác huy động nguồn vốn hoặc chuyển nhượng một phần các dự án này nhằm tắt toán nợ gốc quá hạn ngân hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2023 và miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn. Đồng thời tái cấu trúc lại tình hình tài chính Doanh nghiệp, tăng nguồn vốn lưu động để bổ sung duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả và lợi nhuận, giảm dần sự mất cân đối tài chính giữa các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn tiếp tục hành lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở đáp ứng giá định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị số kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (kể cả sở hữu trực tiếp và gián tiếp): Tập đoàn đã loại trừ toàn bộ số dự phòng tổn thất đầu tư do các công ty liên doanh, liên kết bị lỗ đã được trích lập trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con khác trong nội bộ tập đoàn.

4. Chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ:

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo của công ty mẹ, các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được quy đổi theo các loại tỷ giá như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ;

- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi số tại ngày mua;

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;

- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

- Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua - bán bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh cụ thể trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (hợp nhất);

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chi tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toán bổ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty giao dịch thường xuyên với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) nên Công ty đã sử dụng tỷ giá hối đoái do BIDV công bố để chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết các tỷ giá đã sử dụng để chuyển đổi:

- Tỷ giá mua thực tế tại ngày 31/12/2021: 2.886 VND/HKD;
- Tỷ giá bán thực tế tại ngày 31/12/2021: 2.969 VND/HKD;
- Tỷ giá bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.949 VND/HKD;

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG GIA LAI

Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Phước, tỉnh Gia Lai

Báo Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04

năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác là Dự án BOT ^(*)	Theo tỷ lệ % trên doanh thu
Tài sản cố định hữu hình khác	08 - 10

^(*) Các tài sản cố định hình thành từ Dự án BOT, Tập đoàn được trích khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu theo Công văn số 6092/BTC-TCĐN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính. Tập đoàn thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ ngày 01/01/2016 và không áp dụng hồi tố cho thời gian đã thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

II. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Chi phí triển khai

Là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng đã được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện trích khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của

Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	07
Chi phí triển khai	04

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phân ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tồn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài

liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến hưởng tiền và khả năng chi trả có tác dụng như lãi do định giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

21. Nguyên tắc và quy tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng phát sinh giao dịch ngoại tệ, tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng USD được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 22.680 VND/USD.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.063 VND/USD.

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 1,34 VND/LAK.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 2,29 VND/LAK.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

- Hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp: Không chịu thuế.
- Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ... áp dụng thuế suất 10%.
- Hoạt động bán điện thương phẩm áp dụng thuế suất 10%.
- Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt nam với mức thuế suất là 20%. Ngoài ra, một số Công ty con, dự án có các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai: Đối với thu nhập từ dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14A) đoạn Pleiku (km 1630) – Cầu 110 (km1667-570) qua tỉnh Gia Lai theo hình thức BOT tại huyện Chư Prông, Chư Sê, Chư Puh; Căn cứ khoản 4, Điều 10, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính và Công văn số 3770/CT-TTHT ngày 09/12/2015 của Cục thuế tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm đầu tư Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2017 đến hết năm 2020 và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2021 đến hết năm 2029.
- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông: Đối với thu nhập từ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Pleiku đoạn km 817 đến km 887; Căn cứ khoản 1, Điều 11 và Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính và Công văn số 3770/CT-TTHT ngày 09/12/2015 của Cục thuế tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu, được miễn thuế TNDN trong 4 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án. Năm 2015 là năm đầu tư Công ty có doanh thu chịu thuế, năm 2016 là năm đầu tư Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2015 đến năm 2029, được miễn thuế TNDN từ năm 2016 đến hết năm 2019 và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2020 đến hết năm 2028.
- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Dầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai: Đối với dự án Thủy điện Đăkpôcô; Căn cứ theo Khoản 4, Điều 10 và Khoản 1, Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính, Công văn số 3423/CT-TTHT ngày 16/11/2015 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án Thủy điện Đăkpôcô từ năm 2018; theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2018 đến năm 2021 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2022 đến năm 2030.

- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các công ty con ở nước ngoài áp dụng như sau:
Đối với các Công ty con được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế TNDN của Virgin Islands thuộc Anh.
Thuế suất thuế TNDN của Hồng Kông là 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.
Đối với các công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.
Đối với công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7.269.651.143	11.827.889.495
Tiền gửi ngân hàng	114.864.257.612	125.763.155.774
Các khoản tương đương tiền	501.700.345	470.000.000
Tổng cộng	122.635.609.100	138.061.045.269

Tại ngày 31/12/2021, tiền và các khoản tương đương tiền không đông để thế chấp cho các khoản vay.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1. Công ty đang tìm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này trong năm 2022.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của các bên liên quan	19.854.109.647	35.875.209.634
- Công ty TNHH Phú Thành Già Pleiku	-	17.385.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	15.433.148.315	14.173.459.602
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	4.420.961.332	3.989.450.032
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai	-	327.300.000
Phải thu của khách hàng khác	911.067.150.969	762.547.982.632
- Lê Trần Tiến	391.021.500.000	-
- Nguyễn Tuấn Vũ	136.406.000.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	76.611.779.427	128.167.854.667
- Tập Đoàn XD&C, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPT MTV Lào	67.466.845.149	115.297.817.456
- Axial International (HK) Ltd.	47.304.043.259	182.662.521.866
- BK-Electronic GMBH	27.172.950.489	33.888.380.625
- Whirlpool Corporation	12.319.270.725	25.112.233.157
- Các đối tượng khác	152.770.761.920	277.419.174.861
Cộng	930.921.260.616	798.423.192.266

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	100.000.000
Trả trước cho người bán khác	63.993.824.666	106.692.336.603
- Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.603.234.071	7.543.234.071
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông I	15.204.370.000	15.204.370.000
- Các đối tượng khác	41.186.220.595	83.944.732.532
Cộng	64.093.824.666	106.792.336.603

5. Phải thu về cho vay

5a Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	-	92.172.844.569
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽¹⁾	-	92.172.844.569
Phải thu về cho vay các bên khác	835.007.922.128	823.587.933.282
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽¹⁾	88.200.044.569	-
- Công ty CP Đầu Tư - Xây Dựng Vạn Gia Long ⁽²⁾	144.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽³⁾	115.832.000.000	50.000.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽⁴⁾	102.455.555.500	80.000.000.000
- Công ty CP Công nghiệp KT CB Đă Tây Nguyên ⁽⁵⁾	54.063.771.977	80.820.181.875
- Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng ⁽⁶⁾	75.527.303.254	30.000.000.000
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp Đúc Long Gia Lai ⁽⁷⁾	49.900.000.000	-
- Các đối tượng khác ⁽⁸⁾	205.023.246.828	512.767.751.407
Phải thu về cho mượn các bên khác	4.447.373.447	4.466.373.447
- Công ty CP ĐT & PT Năng Lượng sạch Tây Nguyên	1.447.373.447	466.373.447
- Các đối tượng khác	3.000.000.000	4.000.000.000
Cộng⁽⁹⁾	839.455.295.575	920.127.151.298

⁽¹⁾ Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo các Hợp đồng :

- Hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018 và Phụ lục Hợp đồng số 01-03/2018/HĐVV-DLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,6%/năm. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 03/2021/HĐVV-DLGL ngày 15/08/2021, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,6%/năm. Hạn mức cho vay 86.000.000.000 đồng.

⁽²⁾ Công ty CP Đầu Tư - Xây Dựng Vạn Gia Long vay theo Hợp đồng vay vốn số 68A/2019/HĐVV-DLGL ngày 25/09/2019, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng.

⁽³⁾ Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-DLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-DLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng.

⁽⁴⁾ Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-DLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-DLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

⁽⁵⁾ Công ty CP Công nghiệp KT CB Đă Tây Nguyên vay theo các Hợp đồng sau :

- Hợp đồng số 04/2021/HĐVV-DLGL ngày 17/08/2021, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 14/2019/HĐVV-DLGL ngày 31/12/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-14/2019/HĐVV-DLGL/PLHD ngày 10/01/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, hạn mức cho vay 30.489.397.260 đồng, lãi suất 10,9%/năm.

⁽⁹⁾ Công ty TNHH SX - TM - DV Đông Phú Hưng vay theo Hợp đồng vay vốn số 05/2019/HĐVV-DLGL ngày 05/06/2019, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 7%/năm, hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng.

⁽¹⁰⁾ Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 08/2020/HĐVV-DLGL ngày 09/12/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-08/2020/HĐVV-DLGL ngày 05/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 213.050.000.000 đồng.

⁽¹¹⁾ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

5b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan		213.807.895.000
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp DLGL ⁽¹⁰⁾	-	213.807.895.000
Phải thu về cho vay các bên khác	1.438.840.128.160	1.231.162.259.319
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp DLGL ⁽⁹⁾	374.407.500.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽¹²⁾	220.000.000.000	270.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽¹¹⁾	222.657.805.400	251.773.655.400
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát ⁽¹²⁾	215.474.416.240	184.405.944.343
- Vũ Văn Tin ⁽¹³⁾	153.521.213.566	91.250.000.000
- Các đối tượng khác ⁽¹⁴⁾	252.779.192.954	433.732.659.596
Cộng ⁽⁷⁾	1.438.840.128.160	1.444.970.154.339

⁽¹⁰⁾ Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp DLGL theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 08/2020/HĐVV-DLGL ngày 09/12/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-08/2020/HĐVV-DLGL ngày 05/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 213.050.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 03/HĐTD ngày 01/07/2021, thời hạn vay kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên 15 năm. Trong đó, thời gian ân hạn là 3 năm và thời gian trả nợ là 12 năm. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 10,9%/năm có định trong vòng 12 tháng, hạn mức cho vay 525.000.000.000 đồng.

⁽¹²⁾ Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-DLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-DLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

⁽¹¹⁾ Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-DLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-DLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng vay vốn số 05/2021/HĐVV-DLGL ngày 25/12/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
 Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Báo Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

¹¹⁰ Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát theo Hợp đồng vay theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 06/2019/HĐVV-DLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-06/2019/HĐVV-DLGL ngày 02/01/2021, thời hạn 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay là 250.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 01/HĐ-HTV/2021 ngày 15/08/2021, Hạn mức cho vay: 42.000.000.000 đồng, Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, Lãi suất cho vay: 10%/năm;

- Hợp đồng vay vốn số 01/2021/HĐTD ngày 10/08/2021, số tiền cho vay là 55.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày rút món vay đầu tiên, Lãi suất cho vay 9,5%/năm.

¹¹² Võ Văn Tín theo Hợp đồng vay vốn số 04/2020/HĐVV-DLGL ngày 18/04/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-04/2020/HĐVV-DLGL ngày 04/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 11,8%/năm, hạn mức cho vay 210.000.000.000 đồng.

¹¹⁴ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

¹⁷ Tổng các khoản cho vay (tại mục V.5a và V.5b nếu trên) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.278.295.423.735 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>10.542.904.208</i>	<i>34.151.788.167</i>
Phải thu về lãi cho vay	2.594.007.623	54.151.788.167
- Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	2.594.007.623	24.931.007.623
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	-	4.913.093.100
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp DLGL	-	24.307.687.444
Phải thu khác	7.948.896.585	-
Công ty TNHH Điện tử DLG Asen	7.948.896.585	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>257.398.885.511</i>	<i>591.565.214.362</i>
Phải thu về lãi cho vay	219.164.745.409	181.039.203.629
Tặng ứng cho nhân viên	3.913.301.730	6.607.136.826
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.917.507.738	7.842.135.215
Phải thu khác	17.403.330.634	396.076.738.692
Cộng	267.941.789.719	645.717.002.529

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.268.670.000</i>	<i>1.268.670.000</i>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	1.268.670.000
- Khác	-	25.933.100
Cộng	1.268.670.000	1.294.603.100

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(449.427.929.822)	(127.630.891.162)
Trích lập dự phòng bổ sung	(93.610.412.269)	(337.800.701.540)
Xử lý nợ xấu	-	11.144.961.882
Hoàn nhập dự phòng	155.023.021.254	4.961.536.497
Ảnh hưởng đo thoái vốn công ty con	76.090.384.135	-
Ảnh hưởng chuyển đổi báo cáo	104.810.873	(102.835.499)
Số cuối năm	(311.820.125.829)	(449.427.929.822)

Cốt kết số dư:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ⁽¹⁾	Dự phòng
- Phải thu khách hàng	901.442.648.506	767.782.266.095	(133.660.382.411)	238.258.112.221	51.225.581.003	(187.032.531.218)
- Phải thu về cho vay	841.821.439.354	763.472.496.405	(78.348.962.949)	126.237.511.271	62.155.026.774	(64.082.484.497)
- Phải thu khác	229.021.418.736	196.570.528.217	(32.450.890.519)	371.562.251.832	231.624.404.870	(139.937.846.962)
- Trả trước cho người bán	52.383.638.601	3.023.748.651	(49.359.889.950)	53.784.781.870	13.409.714.725	(40.375.067.145)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)
Cộng	2.074.669.165.197	1.762.849.039.368	(311.820.125.829)	839.842.657.194	390.414.727.372	(449.427.929.822)

⁽¹⁾ Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	39.811.972.139	(7.779.787.314)	48.104.616.389	(9.422.291.142)
- Công cụ, dụng cụ	-	-	596.717.985	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	112.823.888.000	(15.023.465.496)	142.159.455.711	(18.174.808.223)
- Thành phẩm ⁽²⁾	70.434.241.275	(3.908.059.584)	70.370.378.468	(5.125.055.283)
- Hàng hóa ⁽³⁾	173.192.914.026	(115.906.427)	174.211.992.661	-
Cộng	396.263.015.440	(26.827.218.821)	435.443.161.214	(32.722.154.648)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là gỗ, ván MDF..., dùng để sản xuất các sản phẩm từ gỗ, các phụ kiện để sản xuất linh kiện điện tử.

⁽²⁾ Thành phẩm cuối kỳ chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ, linh kiện điện tử.

⁽³⁾ Hàng hoá cuối kỳ chủ yếu là đá và gỗ.

9. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	18.008.494	534.650.247
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	272.869.998	343.158.174
Cộng	290.878.492	877.808.421

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	877.808.421	497.158.340
Phát sinh trong năm	634.759.357	5.864.474.223
Phân bổ trong năm	(795.431.633)	(5.483.824.142)
Giảm do thanh lý công ty con	(426.257.653)	-
Cộng	290.878.492	877.808.421

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền thuê đất và nhà tại nước ngoài ⁽¹⁾	30.350.252.478	32.771.402.906
- Chi phí trung tu các dự án BOT ⁽²⁾	61.317.231.051	36.687.749.554
- Chi phí tiền thuê đất chờ phân bổ	1.911.902.788	1.961.567.972
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	-	2.505.707
- Chi phí dài hạn chờ nhận bổ khác	10.499.040.753	6.872.532.262
Cộng	104.078.427.070	78.295.758.401

⁽¹⁾ Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

⁽²⁾ Là chi phí trung tu định kỳ của các dự án BOT theo các Hợp đồng BOT ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chi phí trung tu và thời gian phân bổ quy định tại các Hợp đồng BOT.

Tình hình biến động chỉ phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	78.295.758.401	48.996.940.885
Phát sinh trong năm	54.634.362.558	46.777.520.331
Ảnh hưởng do hợp nhất	-	136.024.897
Phân bổ trong năm	(23.591.963.258)	(17.698.514.182)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	(1.232.104.256)	83.786.470
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	1.485.246.156	-
Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	(5.512.872.531)	-
Cộng:	104.078.427.070	78.295.758.401

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem Phụ lục 01 đính kèm.

11. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết xem Phụ lục 02 đính kèm.

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
- Số đầu năm	56.149.693.891	56.149.693.891
- Tăng trong năm	-	-
- Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	56.149.693.891	56.149.693.891
Giá trị hao mòn		
- Số đầu năm	23.337.326.289	23.337.326.289
- Khấu hao trong năm	1.851.465.774	1.851.465.774
Số cuối năm	25.188.792.063	25.188.792.063
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	32.812.367.602	32.812.367.602
Số cuối năm	30.960.901.828	30.960.901.828

Trong đó: Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 30.960.901.828 đồng (xem tại thuyết minh V.23; V.24).

Nguyên giá đã bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.808.776.262 đồng.

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Dự án Khu nhà ở cao tầng Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	-	-	60.347.972.173	-
- Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối	-	-	7.661.984.283	-
Cộng	-	-	68.009.956.456	-

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	Kết chuyển giảm khác ⁽¹⁾	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	392.344.775.911	28.621.563.626	(367.737.283.706)	(12.792.619.265)	32.436.436.566
- Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku	21.898.087.080	8.582.863.093	-	-	30.480.950.173
- Dự án điện gió Ia Bờ I - Chư Pưh	1.272.727.272	-	-	-	1.272.727.272
- Dự án cao su mới Ia Bờ	278.175.000	-	-	-	278.175.000
- Dự án nhà máy linh kiện điện tử Phú Nam Đứ Năng	204.584.121	-	-	-	204.584.121
- Dự án trại heo giống- trang trại chăn nuôi Quảng Phú	-	200.000.000	-	-	200.000.000
- Công trình khác	368.691.202.438	11.838.700.533	(367.737.283.706)	(12.792.619.265)	-
Chi phí khác	25.507.523.637	18.893.980.909	-	(44.401.504.546)	-
- Chi phí trùng tu tuyến đường thuộc Quốc lộ 14	25.507.523.637	18.893.980.909	-	(44.401.504.546)	-
Cộng	417.852.299.548	59.515.544.535	(367.737.283.706)	(57.194.123.811)	32.436.436.566

⁽¹⁾ Trong đó, chi phí trùng tu định kỳ của các dự án BOT theo các Hợp đồng BOT ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ là 44.401.504,546 đồng (xem Thuyết minh V.9b)

Tại ngày 31/12/2021, các chi phí xây dựng cơ bản dở dang không dùng để thế chấp cho các khoản vay.

15. Đầu tư tài chính

15a. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư	Cộng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	-					
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai ^(*)	8.900.766.000	(1.947.246.845)	6.953.519.155	8.900.766.000	(1.618.074.516)	7.282.691.484
Cộng	8.900.766.000	(1.947.246.845)	6.953.519.155	8.900.766.000	(1.618.074.516)	7.282.691.484

Tên khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2021	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư				Giá trị đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021
		Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong Kết quả kinh doanh của công ty liên kết		Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư theo thay đổi của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh vào Kết quả kinh doanh		
		Tăng/(giảm) từ lãi/lỗ sau thuế TNDN trong năm của công ty liên kết	(Giảm) từ cổ tức được chia trong năm của công ty liên kết	Tăng/(giảm) do đánh giá lại tài sản	Tăng/(giảm) do đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái	
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai ^(*)	7.282.691.484	(104.136.329)	(225.036.000)	-	-	6.953.519.155
Cộng	7.282.691.484	(104.136.329)	(225.036.000)	-	-	6.953.519.155

^(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.922 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 20,00% vốn điều lệ của Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (số đầu năm là 5.922 cổ phiếu, tương ứng 20,00% vốn điều lệ).

Ngoài công ty liên doanh, liên kết nêu trên, Tập đoàn còn có 2 công ty liên doanh, liên kết sau:

- Công ty CP Đức Long Tây Nguyên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900782239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2011, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP Đức Long Tây Nguyên là 6.000.000.000 đồng tương ứng nắm giữ 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP Đức Long Tây Nguyên. Đến ngày 31/12/2021, Công ty CP Đức Long Tây Nguyên chưa đi vào hoạt động kinh doanh và Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định (xem Thuyết minh L6.2)
- Công ty CP DLG CY Việt Nam, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314483661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2017 thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 03 năm 2021, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP DLG CY Việt Nam là 912.000.000 đồng tương ứng nắm giữ 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP DLG CY Việt Nam. Đến ngày 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định và Công ty CP DLG CY Việt Nam hiện đang hoạt động kinh doanh (xem Thuyết minh L6.2)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất).

35

15b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽⁷⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽⁷⁾	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
Cộng	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 48.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 7,2% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc (số đầu năm là 48.000 cổ phiếu, tương ứng 7,2% vốn điều lệ).

⁽⁷⁾ Giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư phù hợp với quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng.

16. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.935.420.573	18.245.496.649
Cộng	11.935.420.573	18.245.496.649

17. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Giá trị đầu năm	327.911.218.096	196.758.637.842
Tăng trong năm	-	171.287.377.551
Phân bổ trong năm	(50.593.791.496)	(40.593.323.830)
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	(3.865.347.851)	458.526.533
Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	(18.337.603.622)	-
Cộng	255.114.475.127	327.911.218.096

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	2.794.999.015	48.843.004.627
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	-	45.545.383.927
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	71.963.700
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	63.342.015	494.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông Gia Lai	2.731.657.000	2.731.657.000
Phải trả cho các người bán khác	379.461.548.127	461.988.465.612
- Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	51.327.407.966	51.327.407.966
- Công ty CP Lilama 45.3	31.426.511.438	31.426.511.438
- Hung Fai Industrial Technology Ltd	18.695.001.346	37.713.563.457
- Zhejiang Fuchunjiang Hydropower Equipment Co., Ltd	20.656.262.480	21.150.670.880
- Các người bán khác	257.356.364.897	461.988.465.612
Cộng⁽⁸⁾	382.256.547.142	510.831.470.239

⁽⁸⁾ Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 189.657.313.140 đồng

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	<i>191.000.000</i>	<i>330.200.000</i>
Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	191.000.000	330.200.000
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	<i>89.548.540.634</i>	<i>156.902.887.163</i>
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thương	34.839.674.670	-
- Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến xe Hà Năng	27.500.000.000	27.500.000.000
- Công ty TNHH Đinh Đường Á Châu	17.000.000.000	17.000.000.000
- Các người mua khác	10.208.865.966	112.733.087.163
Cộng⁽¹⁾	89.739.540.634	157.233.087.163

⁽¹⁾ Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 75.559.491.800 đồng.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết xem *Phụ lục 03* đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Tập đoàn được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.711.407.294	(860.835.276.806)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	488.153.231.461	1.069.947.235.535
+ Chi phí không hợp lý, hợp lý	140.436.717.252	292.890.731.597
+ Chi phí lãi vay không chế theo nghị định 132/NĐ-CP	74.987.737.222	182.335.242.492
+ Chênh lệch đánh giá lại tiền tệ có gốc ngoại tệ	47.888.094.550	6.071.396.278
+ Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	119.205.620.857	(250.272.624.961)
+ Lỗ thu nhập tính thuế các công ty con, mẹ	85.648.871.257	825.840.898.311
+ Phân bổ lợi thế thương mại	19.657.017.994	9.153.061.624
+ Lãi/lỗ từ công ty liên kết	329.172.329	(106.040.426)
+ Chênh lệch Mẹ thực hiện khối lượng xây lắp cho con ở khía cạnh hợp nhất	-	1.566.121.818
+ Các điều chỉnh khác	-	2.468.508.802

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BỨC LÔNG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đống, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Các khoản điều chỉnh giảm	(320.680.638.633)	(64.744.238.300)
+ Hoàn nhập dự phòng phải thu trên khía cạnh hợp nhất	(127.520.837.780)	(26.087.404.575)
+ Lãi tế thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	(190.639.291.361)	(29.473.506.263)
+ Loại trừ chi phí khấu hao trong kỳ từ số khấu hao của tài sản chưa thực hiện ở khía cạnh hợp nhất	(2.163.873.779)	(2.281.709.495)
+ Giảm từ cổ tức nhận được	(225.039.014)	-
+ Các điều chỉnh khác	(131.596.699)	(6.901.617.967)
Thu nhập chịu thuế	172.184.000.122	144.367.720.429
Thu nhập được miễn thuế	(16.616.359.821)	(6.394.700.644)
Các khoản lỗ được kết chuyển	(42.939.533.429)	(285.963.658)
Thu nhập tính thuế	112.628.106.872	137.687.056.127
Thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm hiện hành	15.103.807.802	24.267.806.074
Thuế TNDN được miễn, giảm	(8.514.760.128)	(10.626.127.003)
Truy thu thuế TNDN ^(*)	1.500.182.450	5.670.835
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.089.230.124	13.647.349.906

^(*) Là khoản truy thu thuế TNDN của công ty con.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay phải trả	218.937.550.948	193.479.551.985
- Chi phí trích trước các công trình xây lắp	82.375.830.788	96.021.066.673
- Lãi phải trả do dự án chậm tiến độ	-	13.900.177.889
- Chi phí vận phòng	9.130.251.045	9.250.749.497
- Khác	64.459.155.925	100.610.281.933
Cộng^(*)	394.902.788.706	413.261.827.977

^(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 198.497.520.154 đồng.

22. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	2.064.375.501	4.456.441.695
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (phải trả lãi vay)	-	456.441.695
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (ký cược, ký quỹ)	2.064.375.501	4.000.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	508.903.678.989	451.380.282.942
- Chi phí lãi vay	451.228.548.027	409.987.213.456
- Lãi trả phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.999.424.583	11.218.316.159
- Phải trả khác	1.231.847.929	28.730.894.877
Cộng^(*)	510.968.054.490	455.836.724.637

^(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 416.756.376.436 đồng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

38

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 80 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Phước Ninh, tỉnh Gia Lai
Báo Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22b Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	220.000.000	510.960.376
- Nhận ký quỹ, ký cược	220.000.000	510.960.376
Cộng	220.000.000	510.960.376

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức khác (TM số 23.1)	207.381.748.726	315.869.356.663
Vay ngắn hạn của cá nhân	40.000.000	21.647.366.000
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	21.763.100.000
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 24.1)	651.433.656.912	635.217.823.329
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (TM số 24.2)	374.814.331.456	385.763.136.000
Cộng	1.235.319.737.094	1.380.260.781.992

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm/ chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do thanh lý Công ty con	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức	315.869.356.663	55.931.942.154	(116.619.825.711)	(47.800.129.708)	405.328	207.381.748.726
- Vay ngắn hạn cá nhân	21.647.366.000	-	-	(21.607.366.000)	-	40.000.000
- Các khoản mượn tiền khác	21.763.100.000	-	-	(20.113.100.000)	-	1.650.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	635.217.823.329	352.055.446.100	(159.304.456.940)	(176.535.155.577)	-	651.433.656.912
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	385.763.136.000	-	(10.948.804.544)	-	-	374.814.331.456
Cộng	1.380.260.781.992	407.987.388.254	(286.873.087.195)	(266.055.751.285)	405.328	1.235.319.737.094

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
Số 40 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Phước Ninh, tỉnh Gia Lai
Báo Thuế minh bạch Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/ tháng 12 năm 2022.

2.3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

2.3.1 Vay ngắn hạn phải trả ngân hàng và các tổ chức khác

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tại sao thuê chấp (Thuyết minh số V.10)
Ngân hàng TMCP Bảo tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/370018/HDDT ngày 11/10/2017	176.254.815.400	Từ ngày 11/10/2017 đến hết ngày 31/12/2018	Lãi suất vay được xác định trong từngthrop đồng tín dụng cụ thể	Máy móc, thiết bị chế biến gỗ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	22.605.060.130	Từ ngày 02/01/2018 đến hết ngày đến hết ngày 31/12/2018	Lãi suất vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ số thiên 3,5% năm. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chủ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên	Được bảo lãnh bởi ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương và một số phương tiện vận tải khác thuộc sở hữu của Tập đoàn
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HDCYHM/NHC7509-DUCLONG ngày 02/01/2018				
Ngân hàng Shinhan Bank, Byulnae Br	4.852.331.708	Thanh toán trung vòng 12 tháng (0)	Tính trên dư nợ thực tế dao động từ 3,16% đến 3,50% mỗi năm	Tin chấp
Tradewind Invest LLC	3.669.541.488	Thanh toán trung vòng 12 tháng (0)	5%/năm	Tin chấp
Tổng cộng	207.581.748.726			

Báo Thuế minh bạch là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

10/12/2022

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay dài hạn còn cá nhân (TM số 24.1)	-	138.224.388.100
- Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức khác (TM số 24.1)	1.839.152.113.740	2.335.589.698.995
- Vay dài hạn trái phiếu thường (TM số 24.2)	113.483.696.683	112.965.136.679
Cộng:	1.952.635.810.423	2.586.779.223.774

^oTrong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 886.530.871.805 đồng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm/chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	Số cuối năm
- Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức khác	2.335.589.698.995	(213.831.058.000)	-	(282.606.527.255)	1.839.152.113.740
- Vay dài hạn cá nhân	138.224.388.100	(138.224.388.100)	-	-	-
- Vay dài hạn trái phiếu thường	112.965.136.679	518.560.004	-	-	113.483.696.683
Cộng	2.586.779.223.774	(351.536.886.096)	-	(282.606.527.255)	1.952.635.810.423

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

24.1 Vay dài hạn các ngân hàng và tổ chức

Các khoản cho vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án BOT, dự án thủy điện, dự án cao tốc, dự án trồng cây cao su.

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng, tổ chức và cá nhân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	1.575.969.388.185	1.937.781.519.050
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Gia Lai	35.174.137.200	35.174.137.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	674.864.403.555	778.769.403.555
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Tp. HCM	178.012.997.289	198.293.066.129
- Liên hiệp Chế Việt Nam	-	789.396.390
- Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	6.564.844.423	-
- Trịnh Đình Trường	-	138.224.388.100
Cộng	2.400.585.770.652	3.109.031.910.424
Trong đó:		
Vay dài hạn	1.839.152.113.740	2.473.814.087.095
Vay dài hạn đến hạn trả	651.433.656.912	633.217.825.329

Báo Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BÚC LONG GIÀ LAI
 Số 99 Lê Duẩn, phường Phú Cường, Tp. Thủ Đức, Quận Thủ Đức
 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

24.1 Vay dài hạn các ngân hàng và tổ chức

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.16, V.11, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CNX Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/5/2008 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/HSHĐ ngày 16/10/2020	6.200.000.000	Thời hạn vay được điều chỉnh là 08 tháng	Từ ngày 14/8/2008 đến ngày 14/8/2022. Lãi suất vay là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi thì suất được xác định bằng lãi suất ban vốn với bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay	Tài sản bảo đảm bằng tư vấn vay, hiệu đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/12/2012	66.034.000.000	Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng	Lãi suất vay thả nổi không cố định, bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm	Tài sản bảo đảm bằng tư vấn vay, hiệu đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn

24. Vay dài hạn (tiếp theo)

24.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chỉ số lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)		
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 36/2013/BSHD ngày 10/10/2013	59.400.000.000	Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026.
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013	10.965.858.000	Thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019

Tại sản thế chấp
 (Quyết minh số V.10, V.11, V.12)

Lãi suất

Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 23/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất hùn vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo tăng thời kỳ công nợ. Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.

Lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất hùn vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo tăng thời kỳ công nợ. Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay.

Tại sản bình thành từ vốn vay, luận đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn

Tại sản bình thành trong tương lai, luận đã hoàn thành và là tài sản cố định và bất động sản đầu tư của Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LONG GIA LẠI
 Số 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, TP. Thủ Đức, Tỉnh Gia Lai
 Bản Thuế minh bạch cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2.4. Vay dài hạn (tiếp theo)

2.4.1. Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

(Chỉ liệt kê một vài tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
--------------------------	---------	-------------------------------------

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/BĐV- BĐTQL4 ngày 30/12/2013	1.026.669.391.733	Theo hạn vay là 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
---	-------------------	---

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/HĐTD/BĐV/BĐT Đ ngày 23/12/2013	396.810.138.452	Thời hạn vay tối đa là 13 năm kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên, thời gian án hạn là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
---	-----------------	--

Tổng cộng	1.575.969.388.185	
------------------	--------------------------	--

Tài sản thế chấp
 (Thuyết minh số V.10, V.11, V.12)

Khoản vay phát sinh từ hợp đồng này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản và các quyền sử dụng đất, quyền thu phí hình thành của Dự án (trạm thu phí,...), các quyền và lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng BOT (kể cả quyền theo các chấp thuận) không phân biệt nguồn vốn đầu tư và toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thuộc sở hữu của bên vay

Tài sản hình thành từ vốn vay, hiệp định hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn

Lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh.

Lãi suất vay là 10%/năm cố định đến ngày 31/12/2014, từ 01/01/2017 trở đi áp dụng lãi suất vay thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, lãi suất vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng do BIDV (Gia Lai) thông báo tại thời điểm điều chỉnh (+) phí 3,5%/năm, nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIÀ LẠI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Phước Ninh, Quận Gia Lai
Bản Thuế tính minh bạch các tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Cho niên tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Trong đó:
Vay dài hạn: 1.453.879.530,103
Vay dài hạn đến hạn trả: 122.089.858,000

24. Vay dài hạn (tiếp theo)

24.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.11, V.12)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng và nợ garant số LD 1401400008 ngày 14/12/14, thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01-LD 1029000097	55.174.137,209	Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian đáo hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định và thay đổi theo giải ngân	Trần bộ tài sản đảm bảo trwały đang gần hết với đất và các hệ thống máy móc, trong thiết bị gắn liền công trình xây dựng thành thành từ vốn vay
Tổng cộng	55.174.137,209			
Trong đó:				
Vay dài hạn:	14.991.180,000			
Vay dài hạn đến hạn trả	40.182.957,209			

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Cường, Tp. Phước, tỉnh Gia Lai
Bán Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Chi năm tài chính kết thúc: ngày 31 tháng 12 năm 2021

24. Vay dài hạn (tiếp theo)

24.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.18, V.11, V.12)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1134100059 ngày 05/1/2012, thời hạn trả gốc, kế sưng số 03/LD1134100059 ngày 26/06/2012	178.012.997.289	Thời hạn vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/6/2016	Lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Từ thời điểm hết đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần	Tài sản hình thành trong tương lai là lợi tức phát sinh từ mô, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng và là tài sản có định hình hình của Tập đoàn

Tổng cộng 178.012.997.289

Trong đó:

Vay dài hạn 178.012.997.289

Công ty CP Dẫn tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai

Hợp đồng vay vốn số 05/HĐV/HĐN/2020 ngày 01/01/2020

Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Tổng 6.564.844.423

Trong đó:

Vay dài hạn 6.564.844.423

Vay tín chấp

7%/năm

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	487.779.468.135	498.209.612.675
Chi phí phát hành trái phiếu	518.560.004	518.660.004
Cộng	488.298.028.139	498.728.272.679
Trong đó:		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>113.483.696.683</i>	<i>112.965.136.679</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>374.814.331.456</i>	<i>385.763.136.000</i>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay trái phiếu thường trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Trái phiếu thường	112.965.136.679	518.560.004	-	-	113.483.696.683
Cộng	112.965.136.679	518.560.004	-	-	113.483.696.683

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, TP. Thủ Đức, tỉnh Gia Lai
Bản Thuế minh bạch của tài chính (bỏ phiếu)
Cho niên tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

24. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (tiếp theo)
24.2 Trả phiếu thương

Tên tổ chức thu xếp phát hành	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.11, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng đã mua với phiếu được ký kết ngày 31/12/2014	366.000.000.000	Thời gian đặt mua tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 31/12/2019.	Lãi suất là 11%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, từ sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trả phiếu cộng biên độ 4,0%/năm.	Bao lãnh bởi Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đê Long Gia Lai, Công ty TNHH Đê Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Server và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Tập đoàn
Hợp đồng đã mua với phiếu được ký kết ngày 30/12/2017	121.779.468.135	Thời gian đặt mua tính từ ngày 30/12/2017 đến ngày 30/12/2022.	Lãi suất là 10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, từ sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trả phiếu cộng biên độ 3,5%/năm.	Bao lãnh bởi Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty
Chỉ phí phát hành trả phiếu	518.540.004			
Tổng	488.298.028.139			
Trong đó:				
Fay dài hạn:	113.483.696.681			
Fay dài hạn đến hạn trả	374.814.331.458			

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.739.483.241	81.936.215	(889.484.264)	(218.050.000)	2.713.885.192
Cộng	3.739.483.241	81.936.215	(889.484.264)	(218.050.000)	2.713.885.192

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	64.361.721.902	85.774.399.903
Cộng	64.361.721.902	85.774.399.903

27. Vốn chủ sở hữu

27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiết xem Phụ lục 04 đính kèm

27b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

Báo Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

91

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	2.586.766	2.902.822,62
- EUR	-	1.781,98
- RMB	1.100.228	380.588,00
- KRW	4.006.072	177.109.267,00

Nợ khó đòi đã xóa

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
- Các khách hàng khác	8.120.402.035	8.120.402.035
Cộng	9.290.495.504	9.290.495.504

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.202.203.772.562	1.594.161.627.598
- Doanh thu bán lẻ hàng điện tử	974.121.623.367	1.250.199.607.941
- Doanh thu bán đá	46.958.394.600	131.210.560.700
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	54.205.114.314	79.688.704.726
- Doanh thu bán điện thương phẩm	69.381.535.220	28.690.865.752
- Doanh thu bán phân bón	49.229.437.400	93.315.770.000
- Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	8.264.644.433	11.024.300.297
- Doanh thu khác	43.022.728	31.818.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	347.004.165.230	380.790.481.713
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	341.064.758.635	374.853.607.257
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.419.114.967	5.134.529.014
- Dịch vụ bến xe	452.636.323	802.345.442
Doanh thu Xây lắp	-	4.315.112.999
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	57.176.000.000
Doanh thu khác	1.067.655.305	2.700.643.334
Cộng	1.549.207.937.792	2.039.143.865.644

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	891.634.473
- Giảm giá hàng bán	4.762.710.406	3.756.502.737
- Hàng bán trả lại	3.456.257	4.225.770
Cộng	4.766.166.663	4.652.362.980

Báo Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	1.101.737.567.463	1.433.406.882.461
- Giá vốn bán linh kiện điện tử	910.445.477.700	1.085.731.698.483
- Giá vốn bán dầu	46.905.681.517	130.806.652.635
- Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	54.806.170.666	81.896.729.481
- Giá vốn bán điện thương phẩm	34.972.532.711	11.124.416.281
- Giá vốn bán phân bón	49.150.236.500	114.635.182.847
- Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	5.437.530.809	9.212.202.734
- Giá vốn khác	19.937.500	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	154.025.793.124	150.011.959.527
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	149.962.710.899	145.998.834.205
- Dịch vụ cho thuê tài sản	4.053.082.225	3.913.125.322
- Dịch vụ bến xe	10.000.000	100.000.000
Giá vốn công trình xây lắp	-	4.315.112.999
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	66.819.517.973
Giá trị HTK hủy bỏ do hư hỏng	-	25.377.394.528
Dự phòng giảm giá HTK	115.966.427	24.627.029.681
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(3.384.475.881)	(13.024.538.881)
Giá vốn khác	3.147.808.547	4.023.413.899
Cộng	1.255.642.599.680	1.470.179.377.659

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	221.115.623.146	172.576.531.343
- Cổ tức lợi nhuận được chia	225.036.000	225.035.000
- Lãi thoái vốn công ty con	137.216.968.747	-
- Chênh lệch tỷ giá	640.563.006	437.600.890
- Khác	3.014	-
Cộng	359.198.193.913	173.239.167.233

5. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	343.290.742.925	361.302.649.588
- Lãi trái phiếu	51.749.786.348	76.045.484.411
- Lỗ thanh lý công ty con	46.923.937.762	186.679.566.830
- Lỗ chênh lệch tỷ Giá	47.954.321.264	6.139.964.840
- Phí phát hành trái phiếu	518.560.004	518.660.004
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(18.192.367.846)
- Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	211.200.000.000
- Khác	4.255.590.252	-
Cộng	494.692.938.555	823.693.957.827

6. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi (+) hoặc lỗ (-) trong công ty liên doanh, liên kết	(329.172.329)	106.040.426
Cộng	(329.172.329)	106.040.426

7. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	73.747.864	69.957.834
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.920.000	73.920.000
- Chi phí hoa hồng	3.724.533.594	3.539.801.655
- Chi phí vận chuyển	9.678.564.573	10.746.739.721
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.484.382.642	4.715.075.445
Cộng	18.035.148.673	19.145.494.655

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	765.433.231	908.379.505
- Chi phí nhân viên quản lý	69.369.168.679	81.317.731.766
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.945.296.480	32.617.756.280
- Dự phòng (+) / hoàn nhập (-) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	(61.412.612.376)	333.642.986.749
- Phân bổ lợi thế thương mại	50.593.791.496	40.593.323.830
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.066.299.546	34.116.225.392
Cộng	120.227.377.056	523.196.403.522

9. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	400.000.000	-
- Xử lý công nợ	-	1.135.120.535
- Thu khác	6.989.796.447	14.423.577.613
Cộng	7.389.796.447	15.558.698.148

10. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Phạt chậm ký hợp đồng	5.795.489.338	7.589.018.198
- Tiền chậm nộp	-	3.487.037.553
- Chi phí khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng	10.378.487.017	15.106.961.679
- Giá trị còn lại của vườn cây phá bỏ	-	4.007.169.474
- Lỗ từ chuyển nhượng dự án	-	10.800.709.820
- Chi phí khác	1.217.141.547	7.024.614.890
Cộng	17.391.117.902	48.015.451.614

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	641.254.104.718	772.546.737.178
- Chi phí nhân công	277.845.532.186	324.726.554.370
- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất, kinh doanh	173.035.960.549	201.250.683.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	258.474.455.566	258.537.948.770
Cộng	1.350.610.053.019	1.557.061.923.394

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.673.387.564	(905.546.191.469)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.673.387.564	(905.546.191.469)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	299.309.720	299.309.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	56	(3.025)

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.673.387.564	(905.546.191.469)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.673.387.564	(905.546.191.469)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (Cp)	299.309.720	299.309.720
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	56	(3.025)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)

7.1 Lãi, lỗ hoạt động đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tài cho vay	(221.115.623.146)	(172.576.531.343)
Thanh lý TSCĐ	(939.296.783)	-
Phần lãi (-) hoặc lỗ (+) trong công ty liên doanh, liên kết	329.172.329	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(225.036.000)	(225.035.000)
Lãi (-) hoặc lỗ (+) do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	(90.293.030.985)	379.879.566.830
Lợi ích cổ đông không kiểm soát khi thoái vốn công ty con	(177.692.622.571)	-
Giá trị còn lại TSCĐ thoái vốn con	204.645.541.238	-
Cộng	(285.290.895.918)	207.078.000.487

Báo Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc, bỏ nhiệm từ ngày 01/10/2021	72.948.718	-
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/10/2021	328.490.628	415.721.367
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	305.683.759	337.871.795
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC – KT kiêm phụ trách kế toán	233.855.412	237.967.321
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	421.200.000	423.000.000
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	308.000.000	249.046.154
Cộng		1.670.177.917	1.663.606.637

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

3b) Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty CP DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo điều hành
Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn
Công ty TNHH Điện Tử DLG Asean	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hưng	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	1.776.000.000	1.536.000.000
Chi phí thuê tài sản	218.181.819	305.454.544
Lãi vay phải trả	306.893.798	322.677.166
Lãi vay đã trả	763.335.493	-
Đi vay	8.240.600.000	1.230.400.000
Trả tiền vay	12.249.040.008	322.677.166

Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	2.147.165.375	2.147.165.376

Công ty TNHH Đức Long Dung Quất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho vay	1.400.100.000	-
Thu hồi tiền cho vay	1.400.100.000	-
Doanh thu xây lắp	-	4.315.112.999

Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức nhận được	225.036.000	225.035.000

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho vay	200.000.000	503.000.000
Thu hồi tiền cho vay	200.000.000	199.925.561.912
Lãi cho vay	-	4.232.865.390
Thu lãi cho vay	22.337.000.000	8.430.562.750

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.18, V.19, V.22.

3c Bảo đảm của cá nhân cho các khoản Tập đoàn đi vay

Trong năm, ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT Công ty) và bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp) đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.23, V.24).

3d Bảo đảm của bên liên quan cho các khoản Tập đoàn đi vay

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.23, V.24).

3e Bảo đảm của tổ chức không phải bên liên quan cho các khoản đi vay của Tập đoàn

Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp ĐLGL, đã dùng tài sản để đảm bảo khoản phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.24)

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh

- Năm nay

Lĩnh vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
- Bán bán lẻ kinh điện tử	969.355.456.704	907.061.001.879	62.294.454.825
- Đá Granite	46.958.394.600	46.905.681.517	52.713.083
- Sản phẩm nông nghiệp	54.205.114.314	54.806.170.666	(601.056.352)
- Điện thương phẩm	69.381.535.720	34.972.532.711	34.409.003.009
- Bán bán phân bón	49.229.437.400	49.150.236.500	79.200.900
- Bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	8.264.644.433	5.553.437.236	2.711.207.197
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	341.064.758.635	149.962.710.899	191.102.047.736
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.419.114.967	4.053.082.225	366.032.742
- Dịch vụ bến xe	452.636.323	10.000.000	442.636.323
- Bán hàng, dịch vụ khác	1.110.678.033	3.167.746.047	(2.057.068.014)
Cộng	1.544.441.771.129	1.255.642.599.680	288.799.171.449

212
 20/09/2022
 1/21

• Năm trước

Lĩnh vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
- Bán bán linh kiện điện tử	1.245.547.244.961	1.070.996.789.142	174.550.455.819
- Đá Granite	131.210.560.700	130.806.652.635	403.908.065
- Sản phẩm nông nghiệp	79.688.704.726	83.607.099.941	(3.918.395.215)
- Điện thương phẩm	28.690.865.752	11.124.416.281	17.566.449.471
- Bán bán phân bón	93.315.770.000	113.884.818.000	(20.569.048.000)
- Bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	11.024.300.297	34.589.597.262	(23.565.296.965)
- Dịch vụ vận thu phí BOT	174.853.607.257	145.998.834.205	228.854.773.052
- Doanh thu cho thuê tài sản	5.134.529.014	3.913.125.322	1.221.403.692
- Dịch vụ bến xe	802.345.442	100.000.000	702.345.442
- Doanh thu Xây lắp	4.315.112.999	4.315.112.999	-
- Doanh thu bán bất động sản đầu tư	57.176.000.000	66.819.517.973	(9.643.517.973)
- Bán hàng, dịch vụ khác	2.732.461.516	4.023.413.899	(1.290.952.383)
Cộng	2.034.491.502.664	1.670.179.377.659	364.312.125.005

Khu vực địa lý

Trong năm, Tập đoàn có thực hiện hoạt động kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Năm nay	Hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam	Hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	575.086.314.425	969.355.456.704	1.544.441.771.129
Giá vốn hàng bán	348.581.597.801	907.061.001.879	1.255.642.599.680
Lợi nhuận gộp	226.504.716.624	62.294.454.825	288.799.171.449

Năm trước	Hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam	Hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	788.944.257.703	1.245.547.244.961	2.034.491.502.664
Giá vốn hàng bán	599.182.588.517	1.070.996.789.142	1.670.179.377.659
Lợi nhuận gộp	189.761.669.186	174.550.455.819	364.312.125.005

5. Số liệu so sánh

Số liệu cuối năm 2020 được trình bày lại trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 nguyên nhân do:

- Khoản thanh lý đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông tại Cao Nguyên Quảng Phú 1 chưa đủ điều kiện ghi nhận theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng vốn góp.
- Tập đoàn loại trừ dự phòng phải thu do Công ty CP BOT & HT Đức Long Gia Lai (công ty con) trích lập đối với Công ty (mẹ) cao hơn số dự phòng phải thu công ty con thể hiện trên báo cáo tài chính dẫn đến ảnh hưởng đến giá trị tài sản thuần của công ty con, từ đó ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát, mức dự phòng đầu tư tài chính dài hạn Công ty (mẹ) trích lập đối với công ty con và thuế TNDN hoàn lại.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LỘC GIA LAI
 Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Cường, Tp. Thủ Đức, tỉnh Gia Lai
Báo Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Tập đoàn chưa loại trừ dự phòng phải thu do Công ty (mẹ) trích lập đối với Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (công ty con) dẫn đến ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thuế TNDN hoãn lại.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	50.000.000.000	50.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	813.423.192.266	(15.000.000.000)	798.423.192.266
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	231	(431.855.179.822)	(17.572.750.000)	(449.427.929.822)
Cộng		381.568.012.444	17.427.250.000	398.995.262.444
Nợ ngắn hạn				
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	140.233.087.163	17.000.000.000	157.233.087.163
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	89.168.840.707	(3.394.440.804)	85.774.399.903
Vốn chủ sở hữu		(555.256.086.202)	3.821.690.804	(551.434.395.398)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(865.906.565.649)	(1.090.142.036)	(866.996.707.685)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	40.694.978.917	(2.145.460.067)	38.549.518.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(906.601.544.566)	1.055.318.031	(905.546.226.535)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	310.650.479.447	4.911.832.840	315.562.312.287
Cộng		(325.854.158.332)	17.427.250.000	(308.426.908.332)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Báo Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh Doanh				
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	523.623.653.522	(427.250.000)	523.196.403.522
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(828.805.773.340)	427.250.000	(828.378.523.340)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(861.262.526.806)	427.250.000	(860.835.276.806)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	54.867.646.714	(756.696.563)	54.110.950.151
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(929.777.523.426)	1.183.946.563	(928.593.576.863)
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(906.601.509.499)	1.055.318.030	(905.546.191.469)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(23.176.013.927)	128.628.533	(23.047.385.394)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(3.029)	4	(3.025)
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(3.029)	4	(3.025)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
- Lợi nhuận trước thuế	01	(861.262.526.806)	427.250.000	(860.835.276.806)
- Các khoản dự phòng	03	304.203.186.932	17.572.750.000	321.775.936.932
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	225.078.000.487	(18.000.000.000)	207.078.000.487
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	323.920.715.503	-	323.920.715.503

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tài sản cố định; Bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay và phát hành trái phiếu. Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình; Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 dùng để thế chấp lần lượt là 2.756.283.568.083 đồng; 9.063.000.000 đồng; 30.960.901.828 đồng (xem tại thuyết minh V.10, V.11, V.12).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng. Đồng thời, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 400.377.130.932 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.767.001.573.335 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trong yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, trong năm 2021, Tập đoàn đã cơ bản thực hiện thành công tái cấu trúc tình hình tài chính của Doanh nghiệp, rà soát sắp xếp cấu trúc lại bộ máy nhân sự ban điều hành và cán bộ công nhân viên, cắt giảm chi phí quản lý của Doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số Công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả do ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19 để tập trung nguồn vốn giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng với số tiền 779.084.458.249 đồng, giảm chi phí lãi vay, tăng nguồn vốn lưu động để bổ sung duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả và đạt lợi nhuận, giảm dần sự mất cân đối tài chính giữa các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn. Định hướng của Hội đồng quản trị Tập đoàn đã đưa ra kế hoạch và mục tiêu trong năm 2022 - 2023, tập trung phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án đang đảm bảo dư nợ ngân hàng nhằm giảm dần dư nợ gốc. Một khác, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để tìm đối tác huy động nguồn vốn hoặc chuyển nhượng một phần dự án nhằm tái toàn nợ gốc quá hạn ngân hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2023 và miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn. Tập đoàn khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo Doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này căn thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người lập báo

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG GIA LAI

Địa chỉ: 09 Lê Duẩn, P. Phố Hoàng, TP. Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (theo khoản (truy cập theo)

Chỉ số tài chính đã điều chỉnh ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TANG GIẢM TẠI SÀN CỔ ĐƠN HỮU HỖN

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, máy móc	Thuật bị dụng cụ khác	Vốn chủ	Tài sản khác (Dư âm BCTC)	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
1. Số dư đầu năm	794.039.579.804	923.643.460.073	57.542.414.786	99.871.939.564	546.308.226.206	2.426.112.709.413	4.814.510.125.926
2. Tăng trong năm	5.722.619.038	(10.251.276.660)	-	518.044.381	-	320.800.800	16.922.591.617
- Tăng do mua mới	5.722.619.038	-	-	518.044.381	-	-	16.922.689.799
- Tăng khác	-	(10.251.276.660)	-	-	-	320.800.800	230.401.819
3. Giảm trong năm	(1166.694.046.906)	(57.798.292.434)	(28.318.758.119)	(15.736.989.978)	(369.892.644.751)	-	(626.351.223.180)
- Chuyển đi, nhượng bán	-	(668.192.940)	(7.073.638.161)	-	-	-	(7.741.831.101)
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	(802.237.340)	(19.679.172.620)	(2.477.998.925)	(3.155.493.516)	-	-	(7.765.500.121)
- Giảm do hoạt động công ty con cấp 2	(160.791.235.748)	(37.426.467.874)	(20.999.923.018)	(255.497.454)	(349.892.644.751)	-	(694.267.820.440)
- Giảm khác	(110.401.818)	-	(20.999.923)	(229.099.999)	-	-	(430.401.818)
4. Số dư cuối năm	680.067.732.026	876.206.796.117	29.221.656.667	96.653.992.695	176.497.581.455	2.426.432.709.413	4.205.081.498.373
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng:							
H Giá trị hao mòn lũy kế	210.344.370.230	628.148.361.814	38.915.486.613	97.446.847.478	249.612.551.809	436.050.154.319	1.671.517.771.863
1. Số dư đầu năm	25.632.638.835	25.272.194.225	2.374.933.401	733.153.116	17.796.907.633	84.736.814.837	154.945.742.045
2. Tăng trong năm	25.622.638.817	25.548.698.833	2.374.933.401	733.153.116	17.796.907.633	84.736.814.837	154.945.742.045
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	25.622.638.817	25.548.698.833	2.374.933.401	733.153.116	17.796.907.633	84.736.814.837	154.945.742.045
3. Giảm trong năm	(106.533.301.609)	(45.435.276.068)	(16.061.760.645)	(3.597.237.823)	(250.451.518.989)	-	(422.085.094.594)
- Chuyển đi, nhượng bán	-	(633.181.940)	(6.191.763.146)	-	-	-	(6.824.945.086)
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	(728.142.494)	(16.854.976.239)	(229.944.072)	(3.678.418.955)	-	-	(239.981.479.700)
- Giảm do hoạt động công ty con cấp 2	(103.787.172.851)	(25.867.187.869)	(9.659.073.427)	(198.829.860)	(250.451.518.989)	-	(504.787.659.156)
- Giảm khác	(23.385.192)	-	-	(326.000.000)	-	-	(349.385.192)
4. Số dư cuối năm	127.427.707.994	698.485.279.171	26.227.759.369	94.582.762.771	26.967.940.453	520.786.969.156	1.404.378.418.918
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	538.695.698.664	295.495.699.659	17.626.928.173	2.425.992.686	266.607.674.797	2.999.082.353.094	3.142.992.588.475
2. Tại ngày cuối năm	472.640.644.032	267.221.516.946	2.995.697.288	2.978.239.924	149.629.641.002	1.935.645.749.257	2.601.707.079.459

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 609.032.234.772 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình tăng do mua mới, cũng có dân báo cơ sở là: 2.736.282.566.000 (xem tại thuyết minh V.25; V.24)

Giữa báo ngày 30 tháng 12 năm 2022

Người lập báo



NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
Kiểm soát tài chính kế toán


TRƯƠNG PHÒNG



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG GIA LAI
 Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phú Đông, TP. Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÍNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai	Quản hệ khách hàng khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	23.185.465.930	463.856.500	204.509.963.823	33.498.987.500	261.658.273.753
2. Tăng trong năm	-	-	14.581.964.535	-	14.581.964.535
- Tăng do mua mới	-	-	14.581.964.535	-	14.581.964.535
3. Giảm trong năm	(1.462.276.000)	(66.172.500)	(6.828.942.930)	(33.498.987.500)	(41.856.378.930)
- Chuyển lịch do chuyển đổi BC TC	-	-	(6.828.942.930)	-	(6.828.942.930)
- Giảm do thanh toán công ty con	(1.462.276.000)	(66.172.500)	-	-	(1.528.448.500)
- Giảm khác	-	-	-	(33.498.987.500)	(33.498.987.500)
4. Số dư cuối năm	21.723.189.930	397.684.000	217.267.965.428	-	234.383.859.358
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	592.139.522	413.619.069	166.093.861.536	15.074.544.375	182.174.164.504
2. Tăng trong năm	330.962.290	28.982.807	18.568.402.092	8.032.338.750	36.960.625.939
- Khả hao trong năm	330.962.290	28.982.807	18.568.402.092	8.032.338.750	36.960.625.939
3. Giảm trong năm	(43.156.701)	(49.629.375)	(5.689.842.314)	(23.106.883.125)	(28.889.511.515)
- Chuyển đổi, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Chuyển lịch do chuyển đổi BC TC	-	-	(5.689.842.314)	(16.182.000)	(5.851.662.314)
- Giảm do thanh toán công ty con	(43.156.701)	(49.629.375)	-	-	(92.786.076)
- Giảm khác	-	-	-	(12.945.063.125)	(12.945.063.125)
4. Số dư cuối năm	879.885.111	392.972.501	178.972.421.316	-	180.245.278.928
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	22.593.326.408	50.237.431	38.416.162.285	18.424.443.125	79.484.109.249
2. Tại ngày cuối năm	20.843.394.819	4.711.499	31.290.564.112	-	54.118.589.419

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 103.119.104.277 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đồng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 9.063.000.000 đồng trong Thuyết minh V.2.3. (V.2.4)

Giá Lạc, ngày 10 tháng 1 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
 Kiểm phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Tuấn
 NGUYỄN VĂN TUẤN



Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (ngap nhật)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC LÔNG GIA LẠI

Địa chỉ: 90 Lê Chân P. Phường Lê Chân, Quận Lê Chân

Điện thoại: 0225.382.1234

Chi nhánh: 0225.382.1234

PHỤ LỤC SỐ 03: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Tăng khác (*)	Thay đổi do chính sách tỷ giá	Giá trị do thuế vốn công ty của	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp				Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán với thuế	7.972.151.256	-	37.458.124.151	(15.997.998.853)	-	-	(203.473.212)	9.369.091.442	-
Thuế GTGT xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT mua đầu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.112.708.746	319.052.962	8.089.210.124	(4.470.396.726)	442.376.541	(118.768.628)	(330.230.741)	68.036.317.834	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.708.601.528	45.581.571	457.770.658	(376.844.170)	-	-	(57.323.556)	1.748.498.826	2.912.617
Thuế nhà đất, thuế địa	4.697.808.134	29.211.936	3.722.697.531	(5.115.833.280)	-	-	(974.108.462)	2.362.327.746	1.247.453
Thuế tài nguyên	7.768.513.121	-	8.220.310.940	(5.948.293.436)	-	-	(4.280.109.189)	360.345.446	-
Thuế môn bài	23.733.324	-	237.304.963	(237.304.963)	-	-	(19.369.989)	17.540.928	-
Thuế BVMF	5.076.706.162	-	1.955.492.203	(1.942.314.619)	-	-	(89.258.677)	2.966.544.171	-
Khoản thuế khác	-	-	2.771.988.855	(4.792.760.639)	-	-	(5.943.861.814)	84.708.666.393	-
Tổng	85.966.420.675	414.277.979	62.912.809.414	(58.811.646.690)	442.376.541	(118.768.628)	(5.943.861.814)	84.708.666.393	4.168.073

(*) Tăng khác từ lợi tức, Hong Kong phải nộp

Người lập báo

Nguyễn Khoa Diệu Thu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
Kiểm phụ trách kế toán

Đỗ Thanh Niệm

ĐỖ THANH NIỆM

Địa chỉ: 90 Lê Chân P. Phường Lê Chân, Quận Lê Chân

Điện thoại: 0225.382.1234

Chi nhánh: 0225.382.1234



